

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Thủy  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Thủy  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Thủy

Mã SV:1312401089

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	9
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu .....	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu.....	5
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: .....	7
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	14
1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp: .....	17
1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	17
1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp: .....	18
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	21
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác.....	24
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	27
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	29
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI</b> .....	35
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi .....	35
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi.....	35
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi.....	36
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi.....	37

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi .....	39
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi .....	43
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi .....	43
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	43
2.2.1.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi .....	53
2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp .....	65
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi .....	76
2.2.3. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi .....	80
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI .....</b>	<b>91</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi.....	92
3.1.1. Ưu điểm.....	92
3.1.2. Hạn chế.....	92
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	93
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh .....	93
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi.....	94
3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi .....	94
3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán.....	97
3.4.3. Kiến nghị 3: Tiền lương làm căn cứ trích các khoản theo lương cho người lao động tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi .....	98
3.4.4 Kiến nghị 4: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí .....	99
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>101</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>102</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	13
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	16
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	17
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp.....	20
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	22
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính.....	23
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác.....	25
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác.....	26
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	29
Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	30
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái.....	31
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	32
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	33
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.....	34
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi.....	37
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu bộ máy kế toán của công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi.....	39
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi ...	42

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi .	36
Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HD0000982.....	44
Biểu số 2.2. Hóa đơn GTGT số HD0001002.....	46
Biểu số 2.3. Phiếu thu số 12-033.....	47
Biểu số 2.4. Hóa đơn GTGT số HD0001014.....	49
Biểu 2.5. Giấy báo có của ngân hàng Vietinbank.....	50
Biểu số 2.6. Trích sổ Nhật ký chung.....	51
Biểu số 2.7. Trích sổ cái tài khoản 511.....	52
Biểu số 2.8. Phiếu xuất kho số 12-09.....	54
Biểu số 2.9. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá).....	55
Biểu số 2.10. Phiếu xuất kho số 12-057.....	56
Biểu 2.11: Bảng kê chứng từ xuất kho.....	57
Biểu số 2.12. Phiếu xuất kho số 12-034.....	59
Biểu số 2.13. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá).....	60
Biểu 2.14: Bảng kê chứng từ xuất kho.....	61
Biểu số 2.15. Trích sổ Nhật ký chung.....	63
Biểu số 2.16. Trích sổ cái tài khoản 632.....	64
Biểu số 2.17. Hóa đơn GTGT số HD0000266.....	66
Biểu số 2.18. Phiếu chi số 12-021.....	67
Biểu số 2.19. Hóa đơn GTGT số HD0003725.....	69
Biểu số 2.20. Phiếu chi số 12-063.....	70
Biểu số 2.21 Bảng phân bổ tiền lương và BHXH.....	71
Biểu số 2.22. Bảng tính và phân bổ khấu hao của công ty.....	72
Biểu số 2.23. Trích sổ Nhật ký chung.....	73
Biểu số 2.24. Trích sổ cái TK641.....	74
Biểu số 2.25. Trích sổ cái TK641.....	75
Biểu 2.26. Giấy báo có của ngân hàng Vietinbank.....	77
Biểu số 2.27. Trích sổ Nhật ký chung.....	78
Biểu số 2.28. Trích sổ cái TK515.....	79
Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 29.....	81
Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 30.....	82
Biểu số 2.31. Phiếu kế toán số 31.....	83
Biểu số 2.32. Phiếu kế toán số 32.....	84
Biểu số 2.33. Phiếu kế toán số 33.....	85

Biểu số 2.34. Trích sổ nhật ký chung.....	86
Biểu số 2.35. Trích sổ cái TK 911 .....	87
Biểu số 2.36. Trích sổ cái TK 821 .....	88
Biểu số 2.37. Trích sổ cái TK 421 .....	89
Biểu số 2.38. Trích bảng cân đối số phát sinh .....	90
Biểu số 2.39. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	91
Biểu số 3.1: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá).....	96
Biểu 3.2: Bảng báo giá phần mềm kế toán MISA SME.NET2015 .....	98
Biểu 3.3. Sổ chi tiết bán hàng .....	99



## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm Từ đầy đủ	Chữ viết tắt
1	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
2	Đơn vị tính	ĐVT
3	Tài sản cố định	TSCĐ
4	Giá trị gia tăng	GTGT
5	Tiêu thụ đặc biệt	TTĐB
6	Tài khoản	TK
7	Bán hàng	BH
8	Cung cấp dịch vụ	CCDV
9	Phương pháp	PP
10	Giá vốn hàng bán	GVHB
11	Số hiệu tài khoản đối ứng	SHTKĐƯ
12	Bảo hiểm xã hội	BHXH
13	Bảo hiểm y tế	BHYT
14	Bảo hiểm thất nghiệp	BHTN
15	Kinh phí công đoàn	KPCĐ
16	Ngày tháng ghi sổ	NTGS
17	Giấy báo có	GBC
18	Số thứ tự	STT
19	Số hiệu	SH
20	Ngày tháng	NT
21	Bảng phân bổ lương	BPBL
22	Bảng khấu hao	BKH

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hệ thống các công cụ quản lý thì kế toán là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu nhất. Nó là nguồn thông tin, số liệu đáng tin cậy để Nhà nước điều hành nền kinh tế, kiểm tra và kiểm soát hoạt động của các ngành, các khu vực.

Trong nền kinh tế hiện nay thì xu hướng tất yếu chung của các nhà đầu tư, các chủ Doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ đều hướng tới mục tiêu là đạt được lợi nhuận. Họ rất quan tâm đến kết quả cuối cùng trong một thời gian (tháng, quý, năm) mà họ đã bỏ vốn ra để đầu tư kinh doanh, sản xuất. Điều đó dẫn đến bộ phận kế toán tại doanh nghiệp phải theo dõi sát quá trình mua bán hàng cho đến khi xác định kết quả kinh doanh để hạch toán nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời, chính xác. Thực hiện tốt quá trình này sẽ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh, bù đắp chi phí, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, đầu tư phát triển, nâng cao đời sống lao động.

Hệ thống kế toán tại các đơn vị đóng vai trò rất quan trọng, đặc biệt đối với các công ty kinh doanh theo lĩnh vực thương mại thì việc mua bán hàng và xác định kết quả kinh doanh mang tính cấp thiết.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của Giáo viên Nguyễn Đức Kiên, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi nên em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi” làm đề tài khóa luận của mình.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Phạm vi nghiên cứu : tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp thu thập số liệu ở đơn vị thực tập

### **5. Kết cấu của khóa luận**

Kết cấu của khóa luận gồm 03 chương :

**Chương 1 :** Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi

**Chương 3 :** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi

**CHƯƠNG 1:****LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

\**Bán hàng*: là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

\**Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại

\**Sản phẩm tiêu thụ*: là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

\**Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

– *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

\**Thời điểm ghi nhận doanh thu*: doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

\**Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa,

sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

## 1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

\* *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

– Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác” Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm kê, kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

\* *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Đối với các giao dịch cung cấp dịch vụ chuẩn mực cũng quy định, doanh thu được ghi nhận khi kết quả đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán trong kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

\* *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được bằng tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa gia công.
- Đối với hàng hóa bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

#### **1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của từng khoản chi phí, tình hình thực hiện
- Ghi chép, phản ánh chính, đầy đủ kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh
- Theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác của doanh nghiệp
- Theo dõi các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi các khoản phải thu khách hàng
- Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục, và địa điểm phát sinh chi phí

- Xác định tiêu thức phân bổ và phân bổ chi phí kinh doanh cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và hàng còn lại chưa tiêu thụ trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài và lượng hàng tồn kho cuối kỳ lớn
- Cung cấp số liệu cho việc kiểm tra phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí của doanh nghiệp
- Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh
- Đưa ra những kiến nghị, đề xuất, ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo doanh nghiệp thông tin đầy đủ, chính xác để có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động phát triển của doanh nghiệp.

## **1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

### **1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

\* Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp

- Phương pháp bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức gửi hàng đi bán:

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ

- Phương thức hàng đổi hàng:



Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đối lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

- Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua - bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biểu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

- \* *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

- \* *Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ.

– Nguyên tắc hạch toán: chỉ hạch toán vào tài khoản 511 số Doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ, đã xác định là tiêu thụ. Giá bán được hạch toán là giá bán thực tế, là số tiền ghi trên hóa đơn.

– Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số thuế phải nộp tính trên doanh số bán hàng trong kỳ (thuế TTĐB, thuế XNK, thuế GTGT theo pp trực tiếp)</li> <li>• Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu bán hàng bị trả lại</li> <li>• Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911”xác định kết quả kinh doanh”</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán</li> <li>• Các khoản doanh thu trợ cấp trợ giá, phụ thu mà doanh nghiệp được hưởng</li> </ul>

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

*Tài khoản cấp 2:*

+ TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa: được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư

+ TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm: được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: công nghiệp, xây lắp, lâm nghiệp, ngư nghiệp

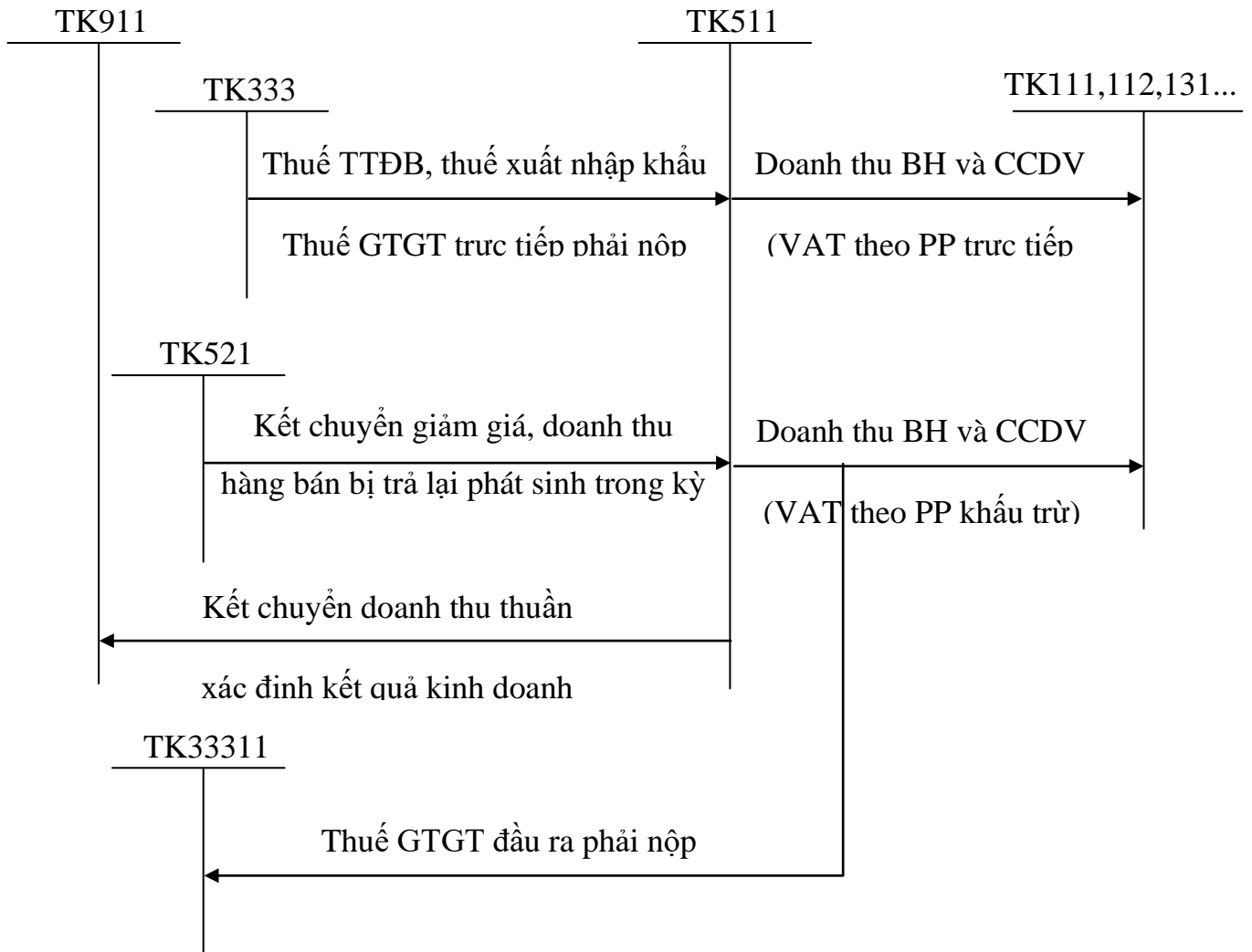
+ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ: được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

+ TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

+ TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

+ TK 5118: Doanh thu khác

## \* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

## 1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

## \* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan
- Biên bản xác nhận giảm giá hàng bán
- Biên bản xác nhận hàng bán bị trả lại, và các chứng từ gốc khác.

## \* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại:

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua

hàng mua với số lượng lớn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại mà hai bên đã thống nhất ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua, bán.

Nguyên tắc hạch toán:

Chi hạch toán vào tài khoản này là chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần đạt tới số lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại, thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng”

Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn đc hưởng CKTM, giá bán phản ánh trên hóa đơn vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ khoản CKTM

*Kết cấu TK 5211:*

Nợ	TK 5211	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán</li> </ul>	

Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ

#### Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm hàng hóa đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy cách..) được doanh nghiệp chấp nhận.

Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do hàng bị trả lại, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng bị trả lại trên.

*Kết cấu TK 5212:*

Nợ	TK 5212	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa bán ra</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào doanh thu trong kỳ (TK 511)</li> </ul>	
TK 5212 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán chấp nhận trên giá thỏa thuận TK111,112,131..Kết cấu của các tài khoản khác ghi giảm. Cuối kỳ kết chuyển vào TK doanh thu bán hàng theo giá bán, doanh thu đó vào cuối kỳ không chịu thuế GTGT

Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

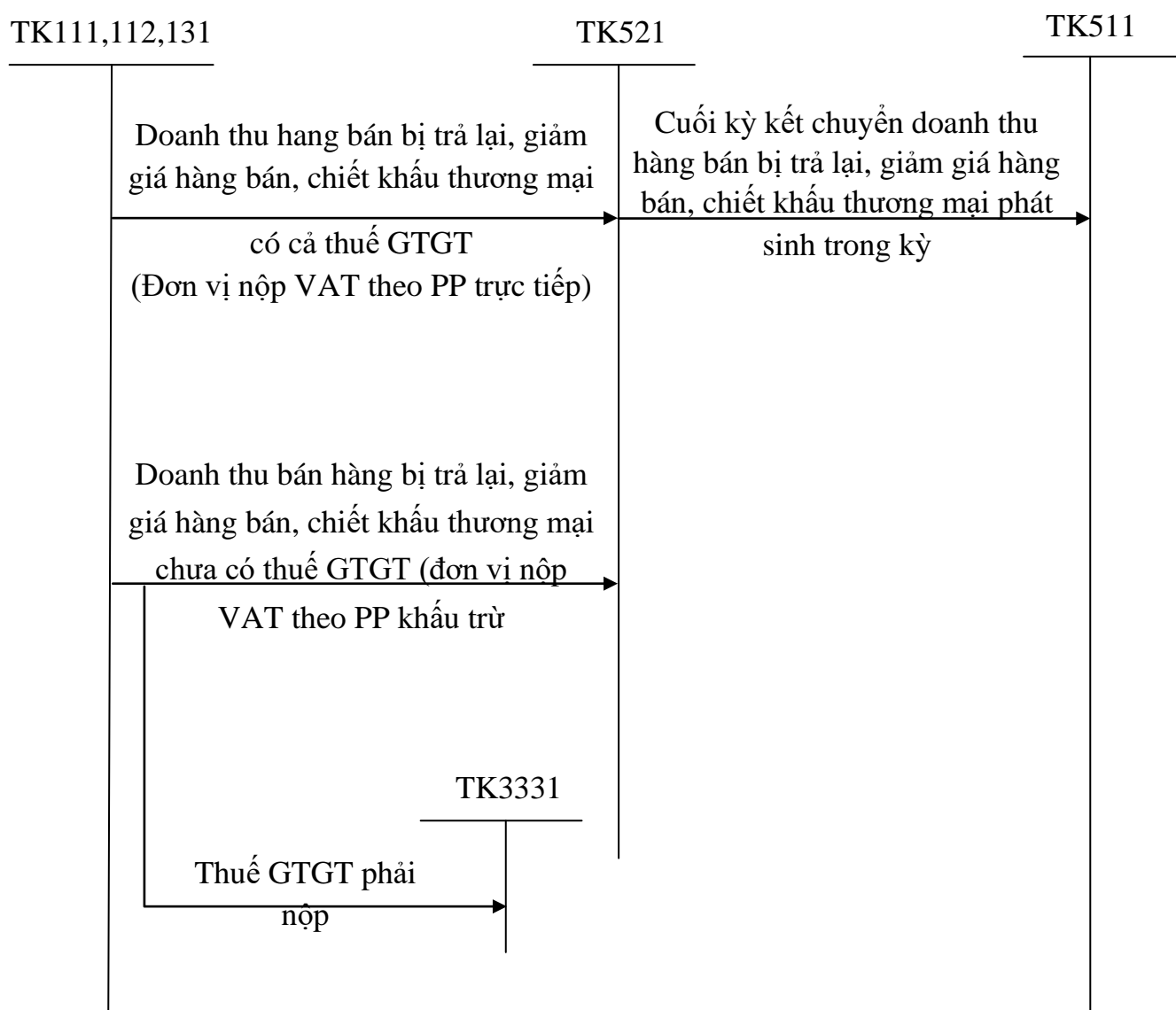
Chỉ phản ánh vào tài khoản 5213 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài HĐ, tức là khi đã có HĐ bán hàng

*Kết cấu TK 5213:*

Nợ	TK5213	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>Các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán trừ vào doanh thu</li> </ul>	

TK 5213 không có số dư cuối kỳ

*\* Phương pháp hạch toán*



**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:**

\* Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

- Phương pháp bán lẻ:

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

\* *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu xuất kho (trong trường hợp mua bán thẳng)
- + Bảng kê xuất kho thành phẩm (chi tiết theo từng đơn đặt hàng)

\* *Tài khoản sử dụng:*

*TK 632 – Giá vốn hàng bán*

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...

Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư như: chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động...

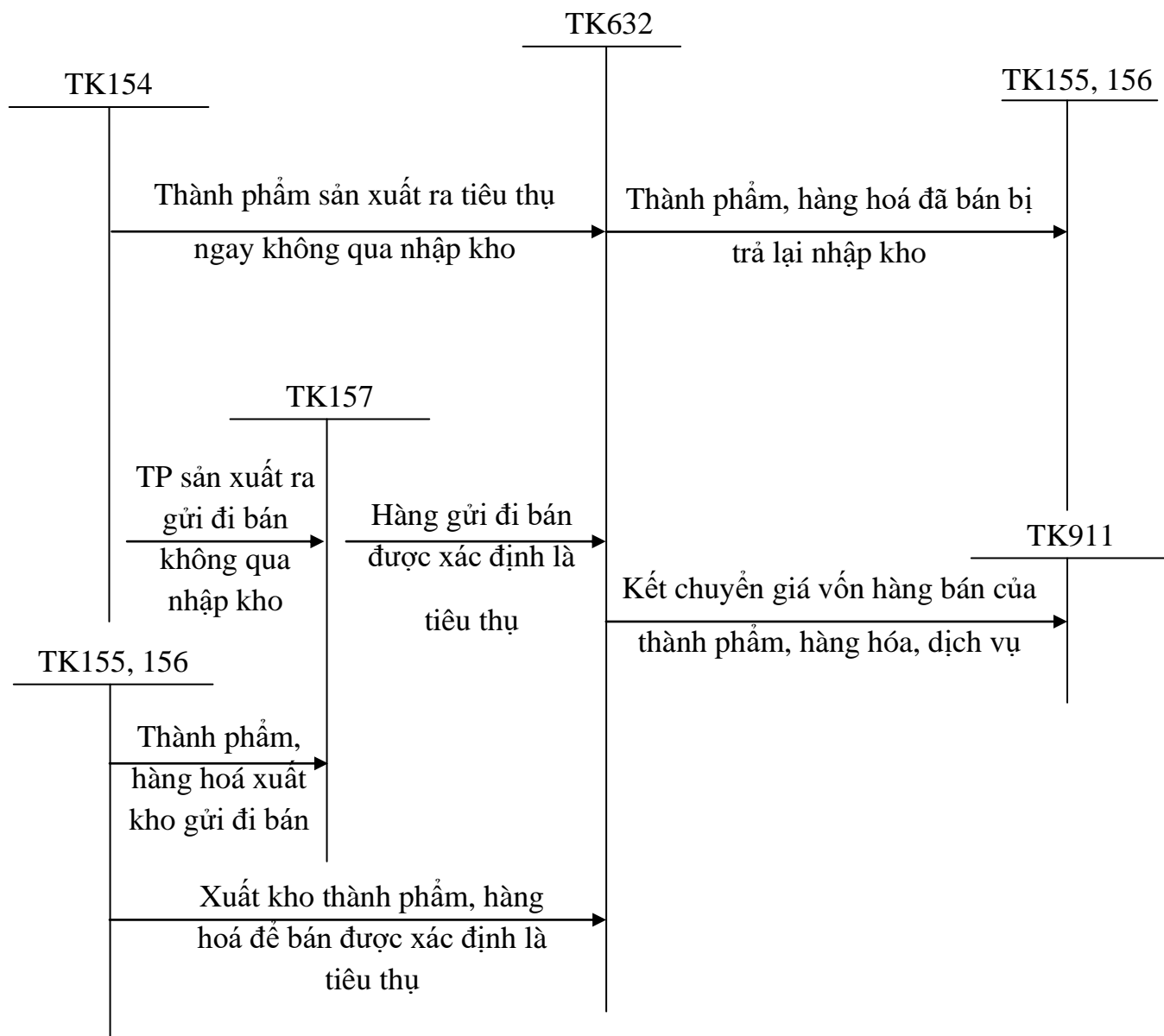
*Kế cấu tài khoản :*

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.</li> <li>• Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức bình thường,</li> <li>• Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ</li> <li>• Các hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra</li> <li>• Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết chuyển giá vốn hàng bán tiêu thụ trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh</li> <li>• Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh</li> </ul>

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ



\* Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

**1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:**

**1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng**

- \* Chứng từ sử dụng:
- + Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn bán hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Các chứng từ khác có liên quan

\* *Tài khoản sử dụng:*

### Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh những chi phí trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa,, dịch vụ gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ bộ phận bán hàng, chi phí thuê kho bãi, đóng gói, vận chuyển giao hàng...

*Kết cấu tài khoản 641:*

Nợ	TK 641 – Chi phí bán hàng	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản ghi giảm CPBN, kết chuyển toàn bộ chi phí bán hàng sang TK911-xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>
Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ		

*Tài khoản cấp 2:*

- + TK 6411 : Chi phí nhân viên
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415: Chi phí bảo hành
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

#### **1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:**

\* *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Giấy báo nợ
- + Bảng kê thanh toán tạm ứng
- + Các chứng từ khác có liên quan

\* *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phục vụ quản lý doanh nghiệp gồm CP lương bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, thuê nhà đất, thuế môn bài, chi phí dự phòng, khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài...

*Kết cấu tài khoản:*

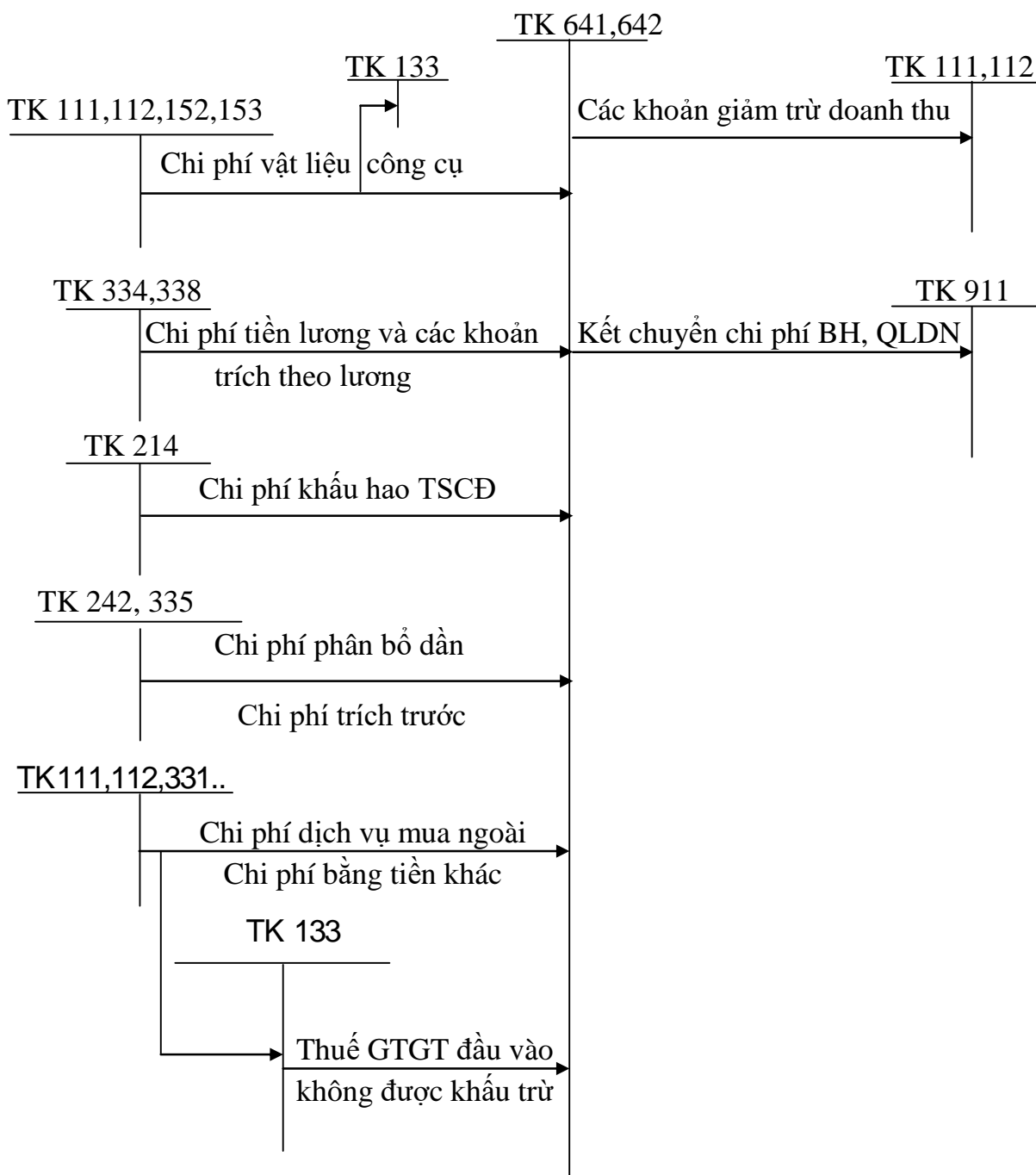
Nợ	TK 642 – Chi phí QLDN	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ</li> <li>• Trích lập và trích lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản ghi giảm chi phí QLDN</li> <li>• Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả</li> <li>• Kết chuyển chi phí QLDN vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

*Tài khoản cấp 2:*

- + TK 6421: chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

\* Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

**1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính**\* *Chứng từ sử dụng:*

- + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Các chứng từ có liên quan

\* *Tài khoản sử dụng:***Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

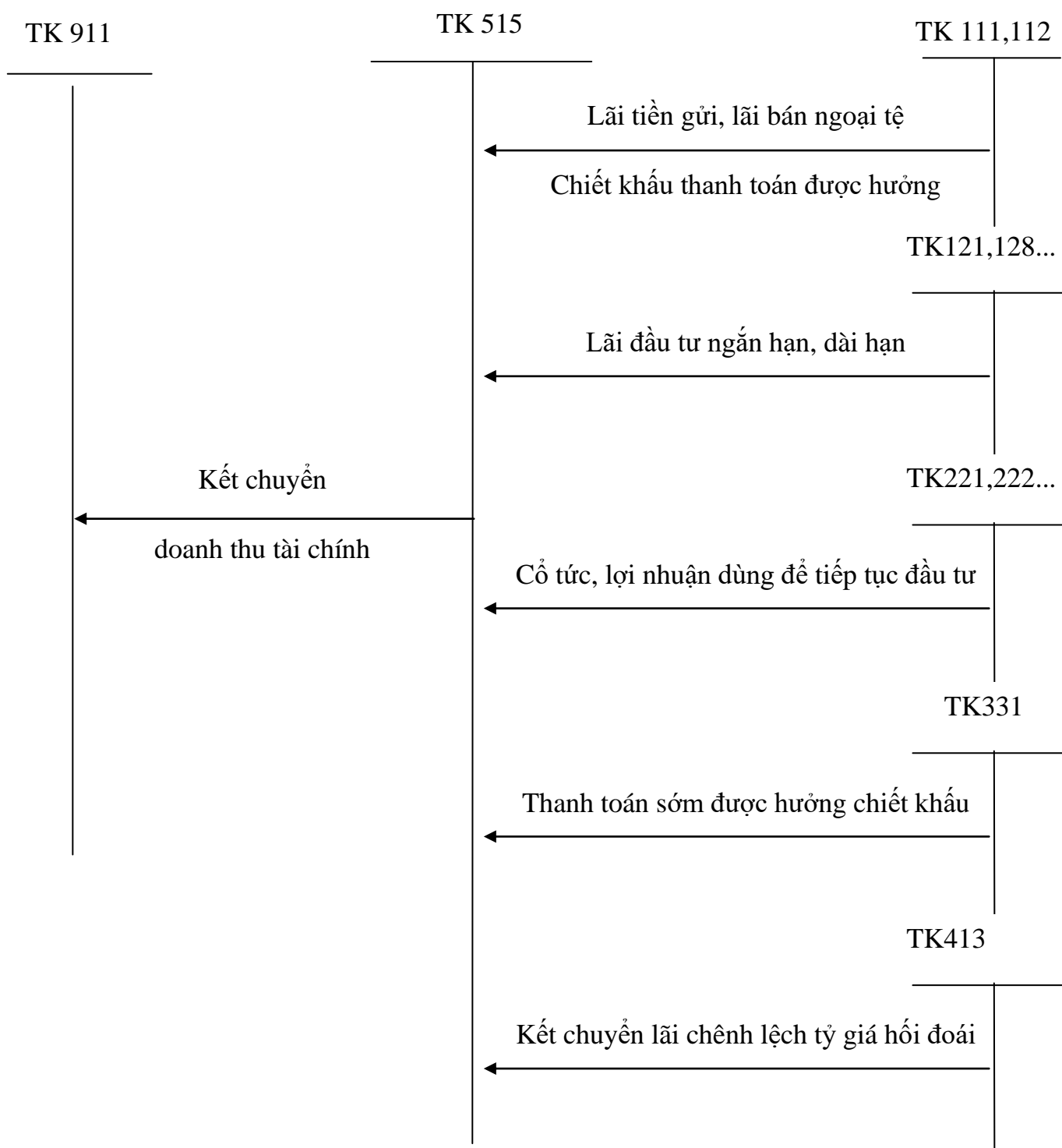
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu do hoạt động tài chính mang lại như: lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ, lợi nhuận được chia từ đầu tư cổ phiếu, thu nhập về từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn...

*Kết cấu tài khoản:*

Nợ	TK 515 – Doanh thu HĐTC	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số thuế GTGT phải nộp theo pp trực tiếp (nếu có)</li> <li>• Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK911 – xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ</li> <li>• Chiết khấu thanh toán được hưởng</li> </ul>

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

*\* Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động kinh doanh*



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**

**Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính tài chính**

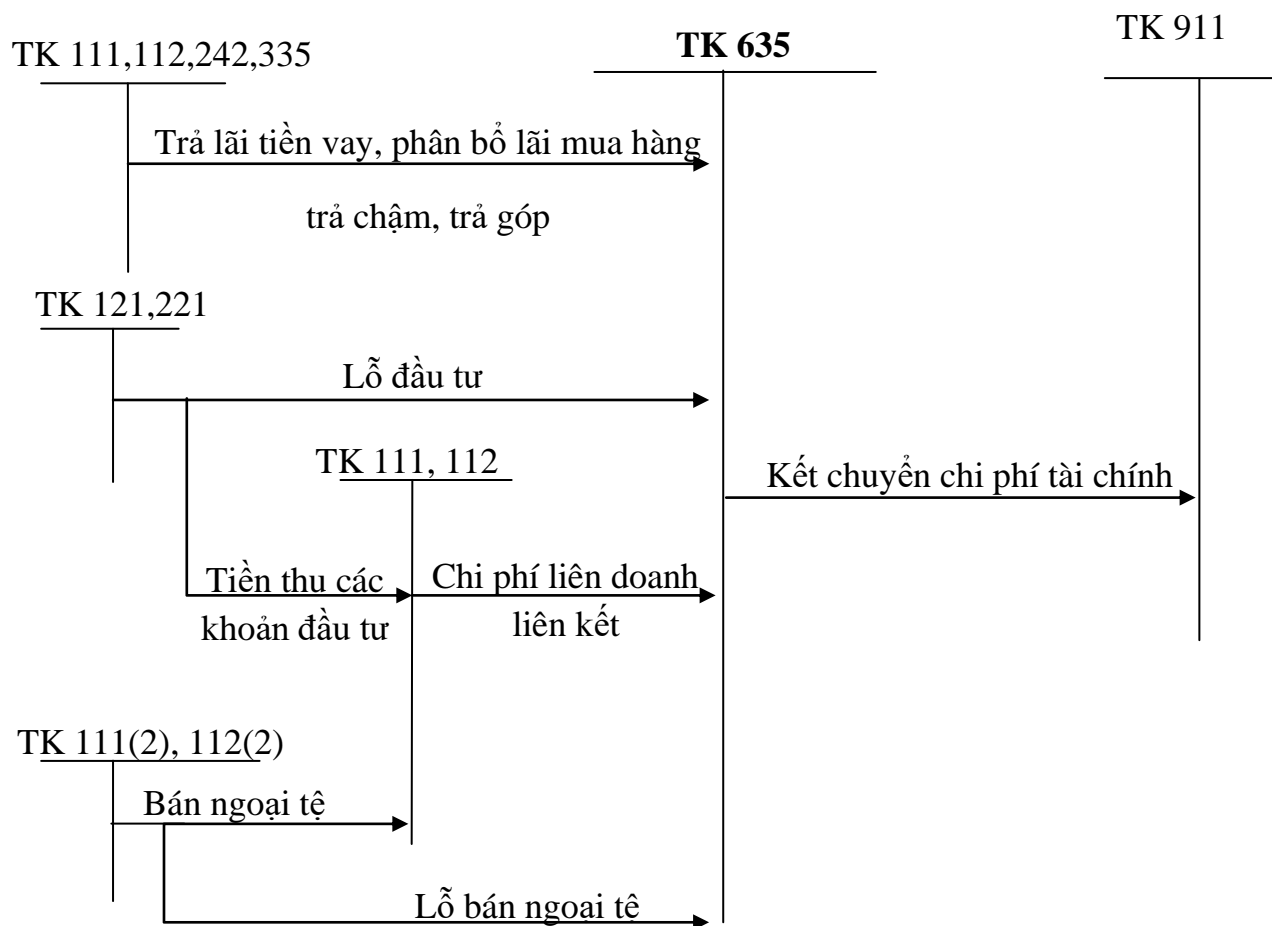
Tài khoản này phản ánh các chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.....

*Kế cấu tài khoản:*

Nợ	TK 635 – Chi phí HĐTC	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập hợp các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

\* *Phương pháp hạch toán chi phí tài chính*



***Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính***



### 1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác

\* *Chứng từ sử dụng:*

- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản vi phạm hợp đồng
- + Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan

\* *Tài khoản sử dụng*

#### **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

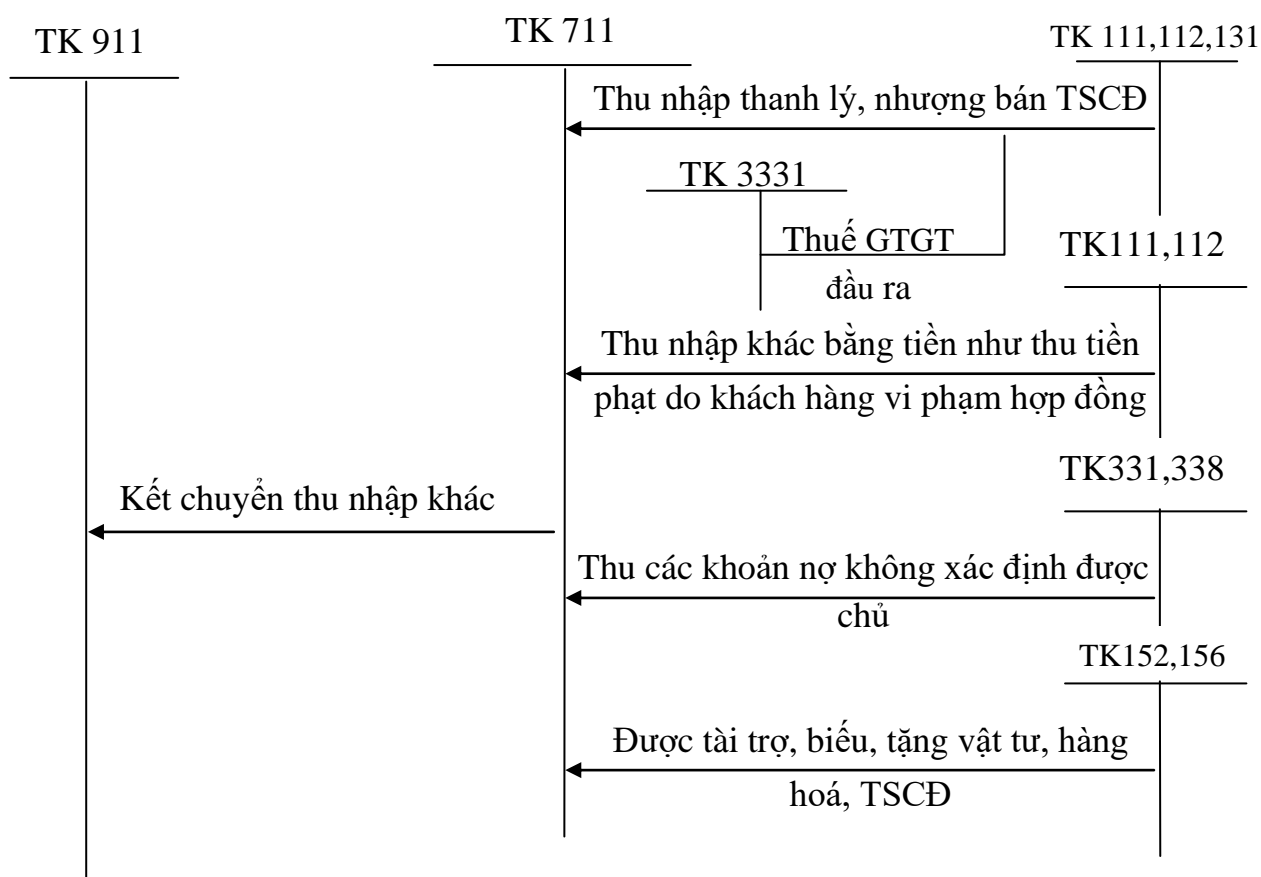
Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên như: thu từ nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi, các khoản thuế được NSNN hoàn lại...

*Kết cấu tài khoản:*

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số thuế GTGT phải nộp ( nếu có) đối với các khoản thu nhập khác</li> <li>• Kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh</li> </ul>

TK 711 không có số dư cuối kỳ

## \* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

**Tài khoản 811 – Chi phí khác:**

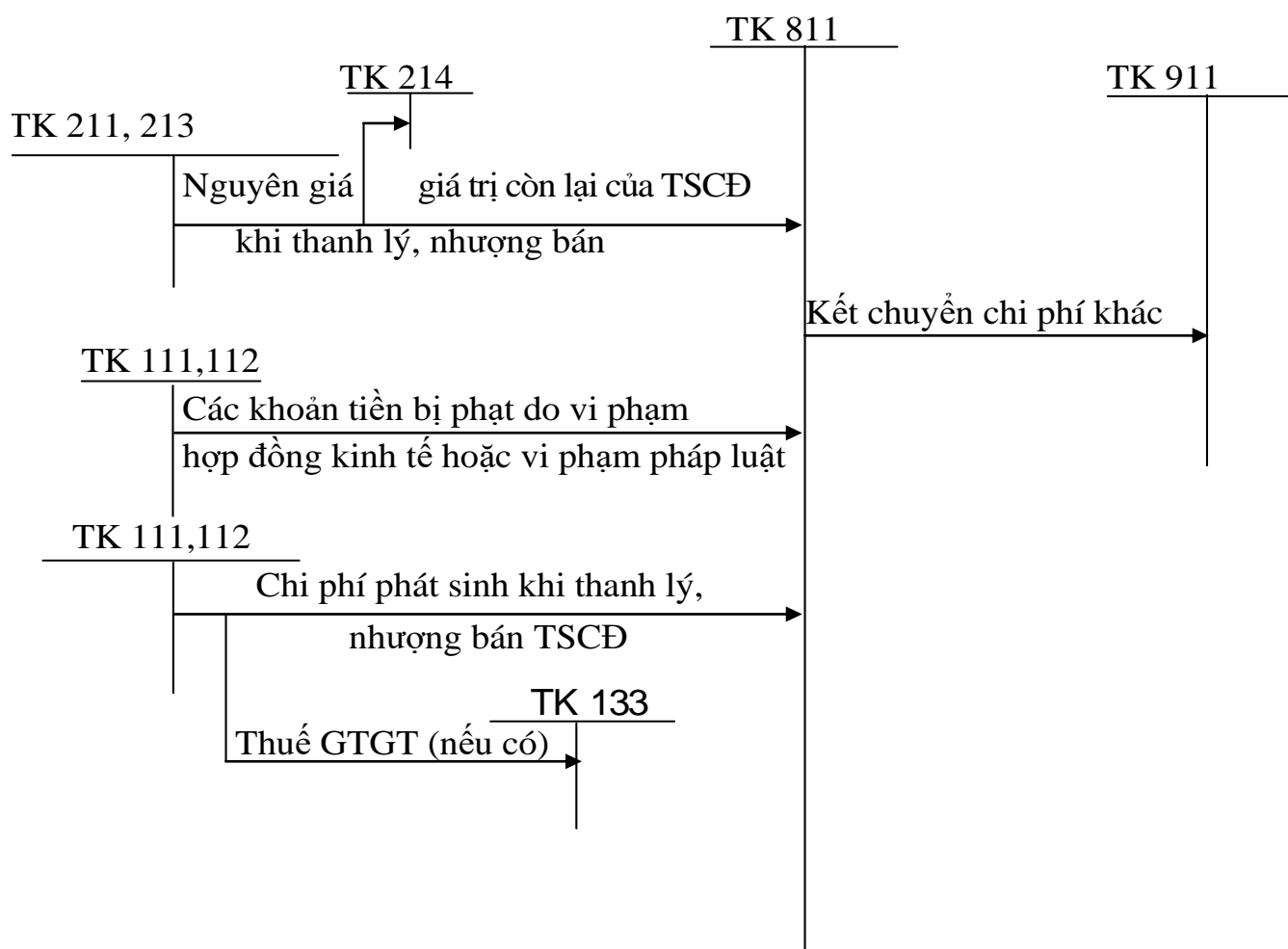
Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kê toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác...

*Kết cấu tài khoản:*

Nợ	TK811 – Chi phí khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác trong kỳ vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

*\* Phương pháp hạch toán*



**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác**

### ***1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp***

\* *Chứng từ sử dụng:*

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- + Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- + Các chứng từ khác có liên quan

\* *Tài khoản sử dụng*

#### **Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và CP thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

*Kế cấu tài khoản 821:*

Nợ	TK 821 – CP thuế TNDN hiện hành	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thuế TNDN phải nộp tính vào CP thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm</li> <li>• CP thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết chuyển CP thuế TNDN hiện hành vào bên nợ của TK911 – xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>	
TK 821 không có số dư cuối kỳ		

#### **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

*Kết cấu tài tài khoản:*

Nợ	TK 911 – xác định KQKD	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác và thuế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổng Doanh thu tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>• Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác</li> <li>• Kết chuyển Lỗ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</li> </ul>	

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

*Kết cấu tài khoản*

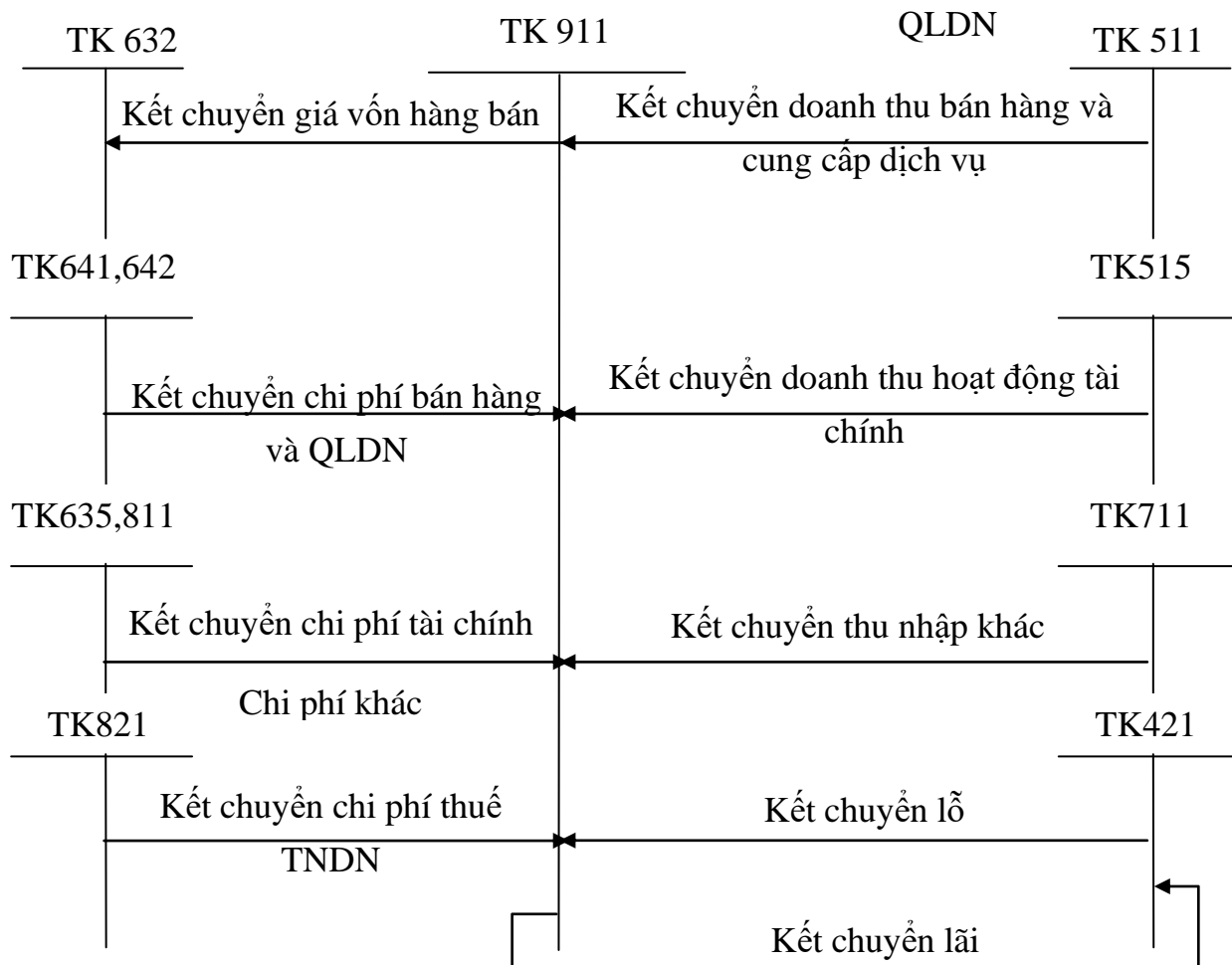
Nợ	TK 421 – LNST chưa phân phối	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</li> <li>• Trích lập các quỹ của doanh nghiệp</li> <li>• Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu</li> <li>• Bổ sung vốn đầu tư của CSH</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ</li> <li>• Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh</li> </ul>	

*Tài khoản cấp 2:*

- + TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

\* Phương pháp hạch toán

Kết chuyển chi phí BH,



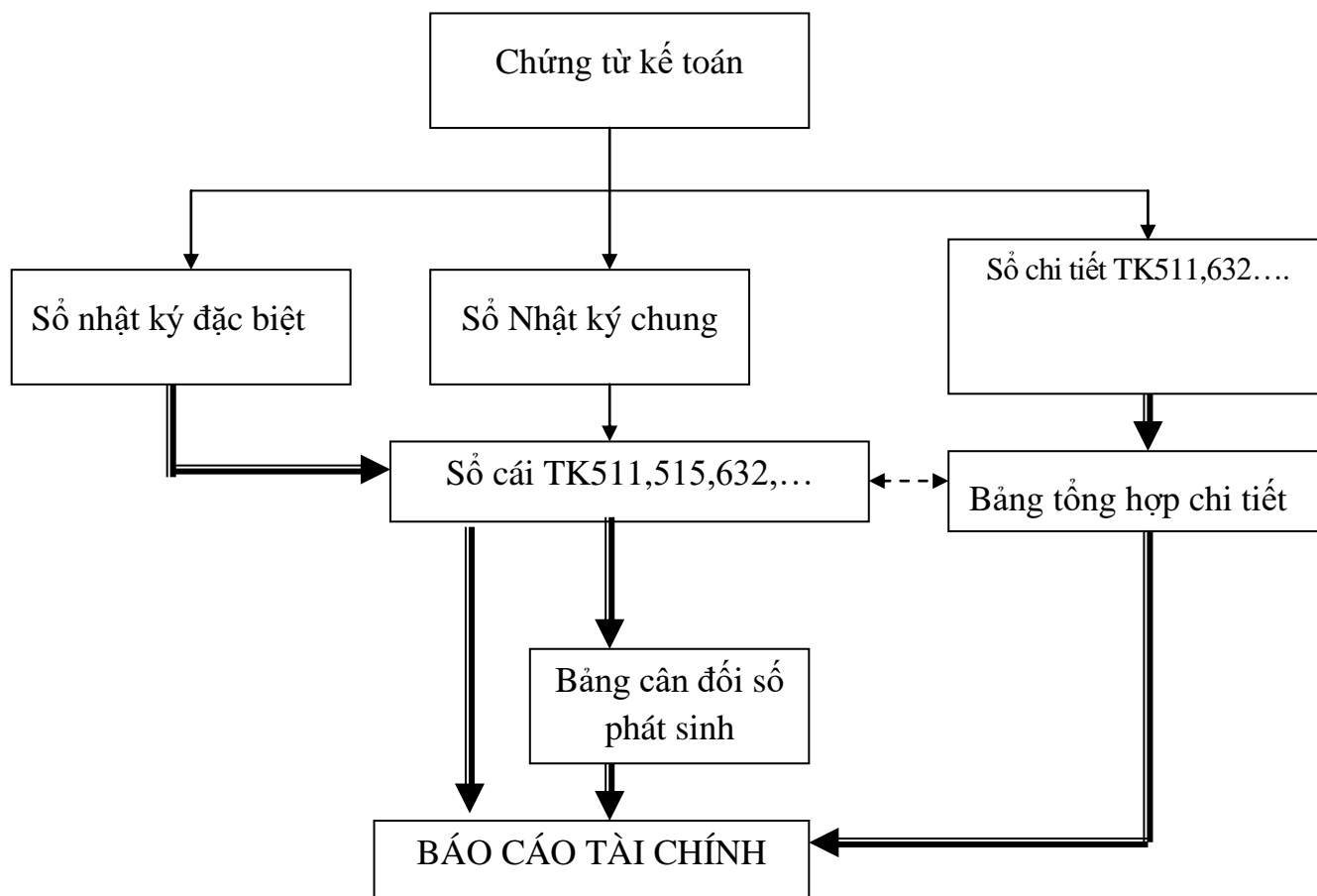
**Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp**

**1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán**

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

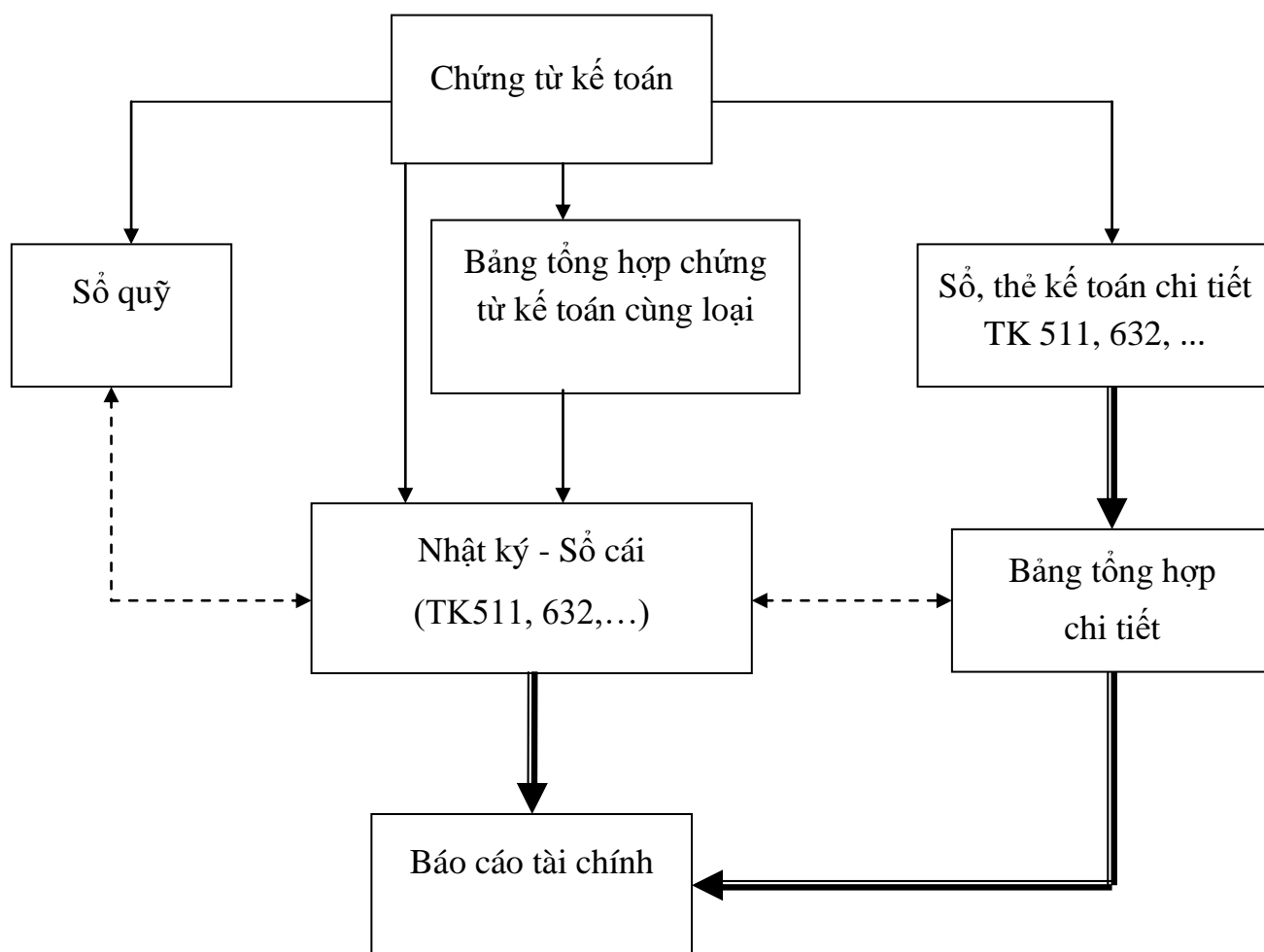
**\* Hình thức kế toán Nhật ký chung**



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
  - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
  - <-.-.-.-> Đối chiếu

**Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

*\* Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái*

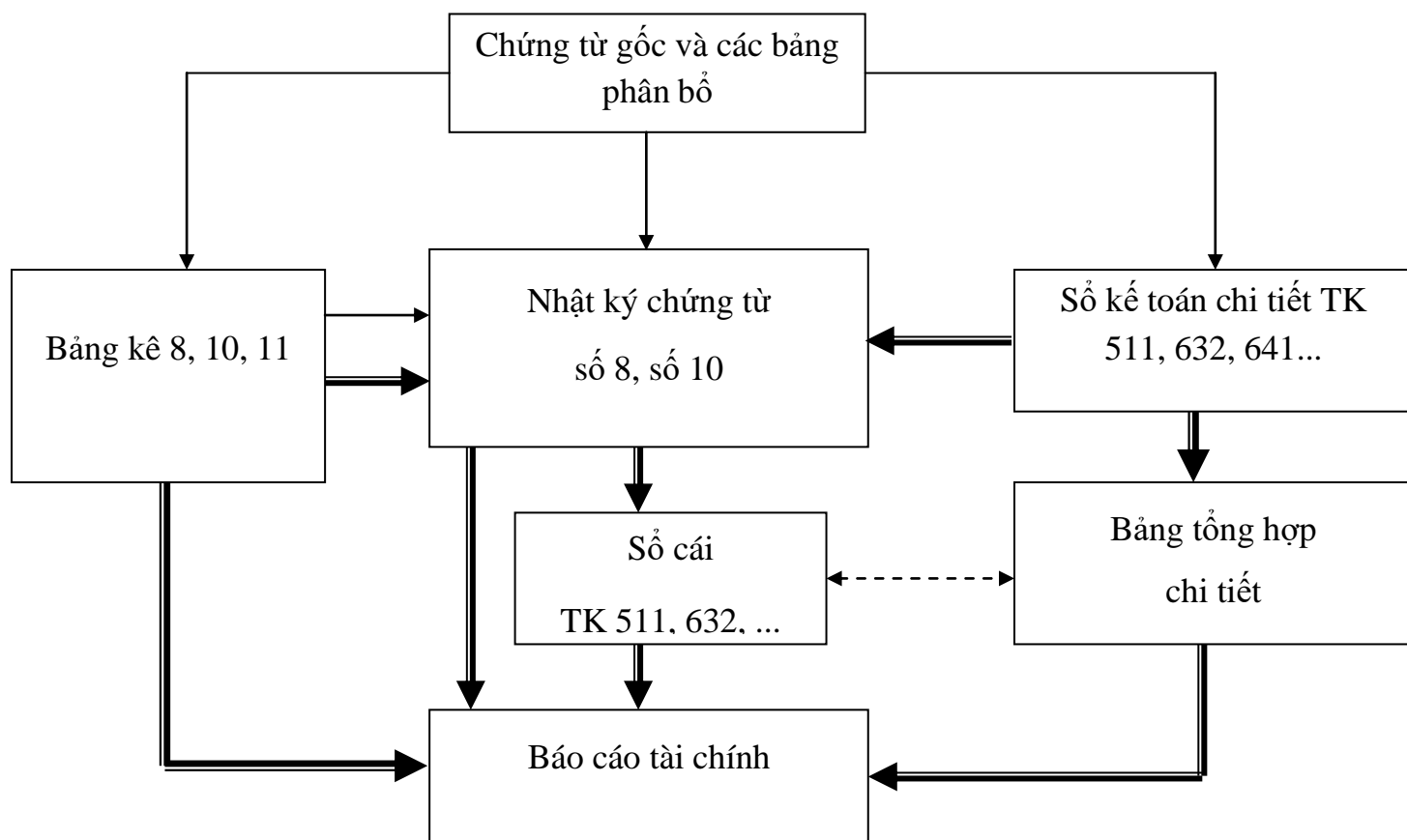


- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
  - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
  - ←-----> Đối chiếu

*Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái*



**\* Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ**

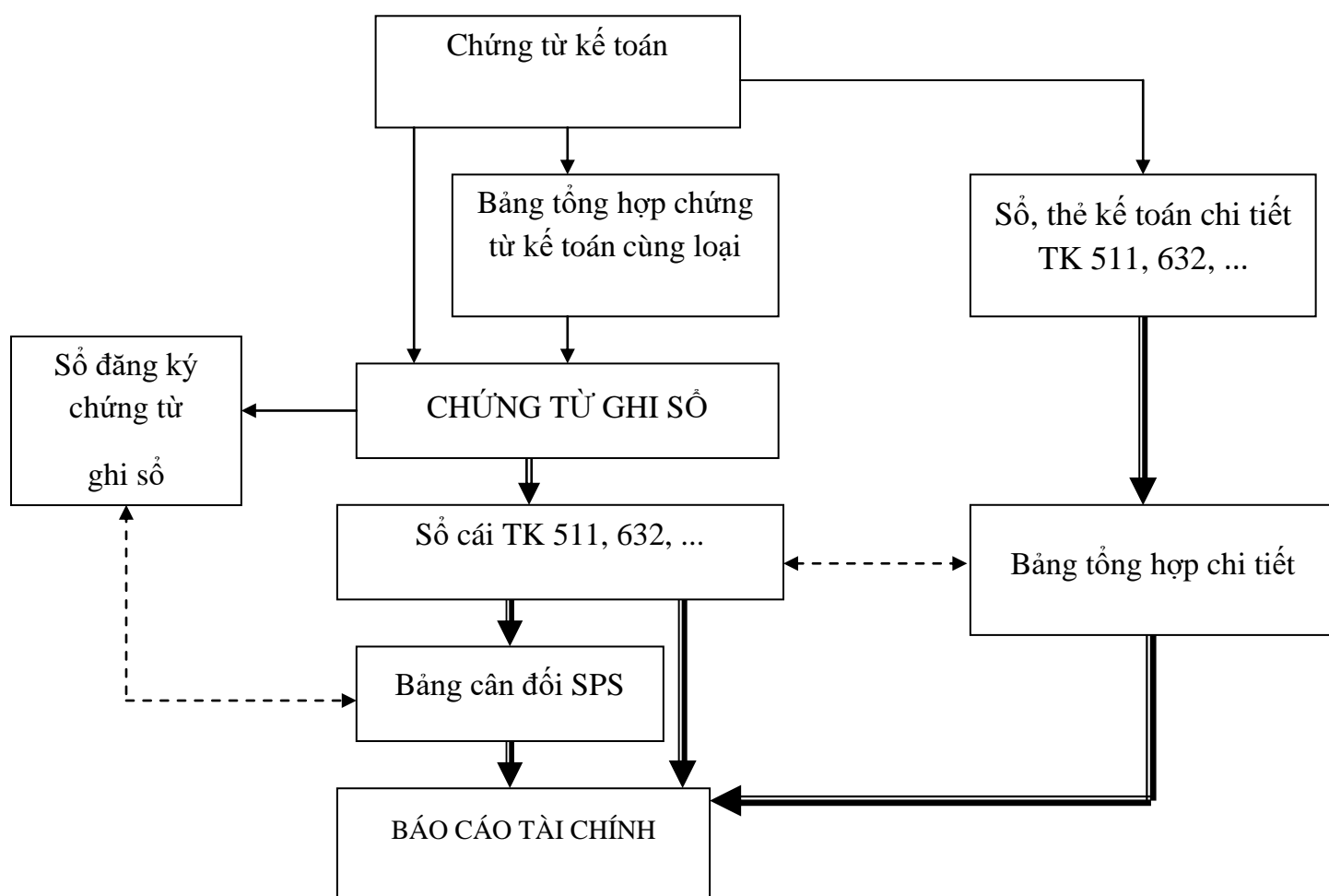


**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu

**Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ**

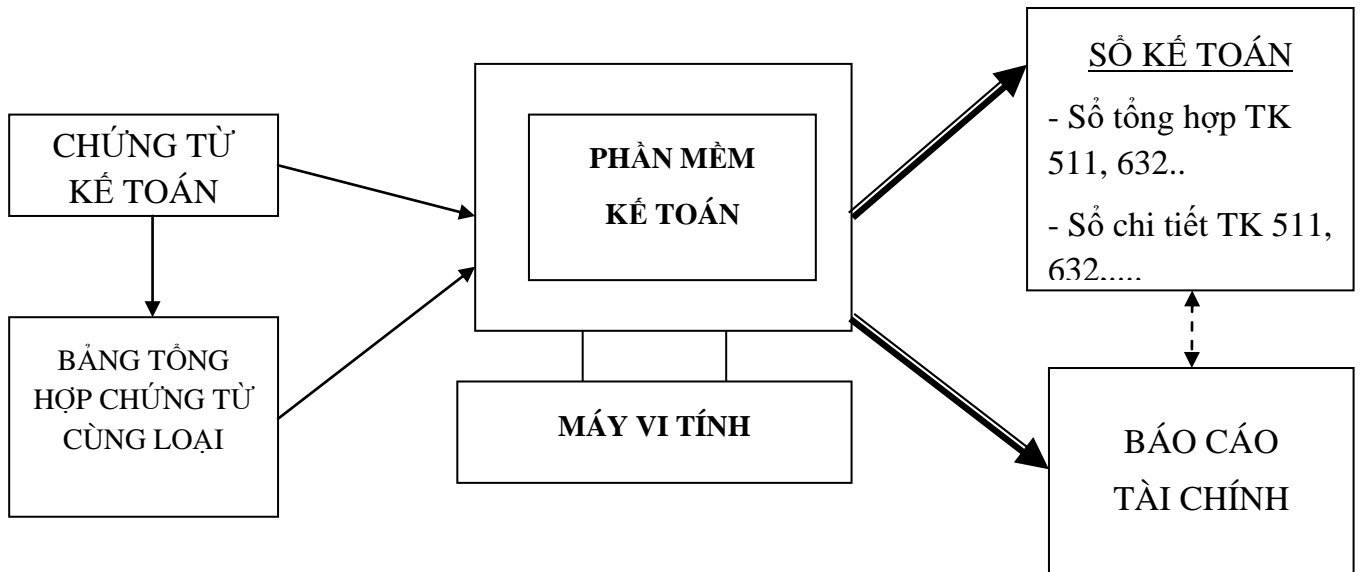
**\* Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
  - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
  - - - - -> Đối chiếu

**Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

**\* Hình thức kế toán máy**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày

**⇒** Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

**↔** Đối chiếu

**Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy**

## CHƯƠNG 2.

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI

**2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi**

Qua khảo sát và trên thực tế thị trường cùng với điều kiện vốn, kinh nghiệm kinh doanh của mình... Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi được thành lập với 03 thành viên có tư cách pháp nhân đầy đủ theo pháp luật nhà nước Việt Nam, cùng với phương châm trong kinh doanh “Uy tín. Chất lượng. An toàn. Hiệu quả”. đưa mục tiêu “Uy tín. chất lượng” lên hàng đầu.

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 0201027072 do sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp ngày 28/12/2009

- Tên Tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI**
- Tên Tiếng Anh: **BAO LOI Co.. LTD**
- Tên giao dịch: **BAO LOI TRANDINCO**
- Tel: 0313.768.666 Fax: 0313.768.891
- Mã số thuế: 0201027072
- Địa chỉ trụ sở chính: đặt tại Số 226 Lê Lai. Phường Máy Chai. Quận Ngô Quyền. Thành Phố Hải Phòng.
- Người đại diện công ty là : Bà Vũ Thị Huệ
- Ngành nghề đăng kí kinh doanh:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530 (chính)
2	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe. Chi tiết: sản xuất, lắp ráp phụ tùng và các phụ trợ cho xe ô tô	2930
3	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
4	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở lên)	4512
5	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
6	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: sắt, thép	4662

**Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Chênh lệch Tiền
1	Tổng DTBH và cung cấp dịch vụ	21.190.000.000	39.380.000.000	18.190.000.000
2	Tổng GVHB	17.635.281.000	31.216.953.000	13.581.762.000
3	Lợi nhuận gộp	3.554.719.000	8.163.47.000	4.608.328.000
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.572.466.641	3.180.794.641	1.608.328.000
6	Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng	4.000.000	5.000.000	1.000.000

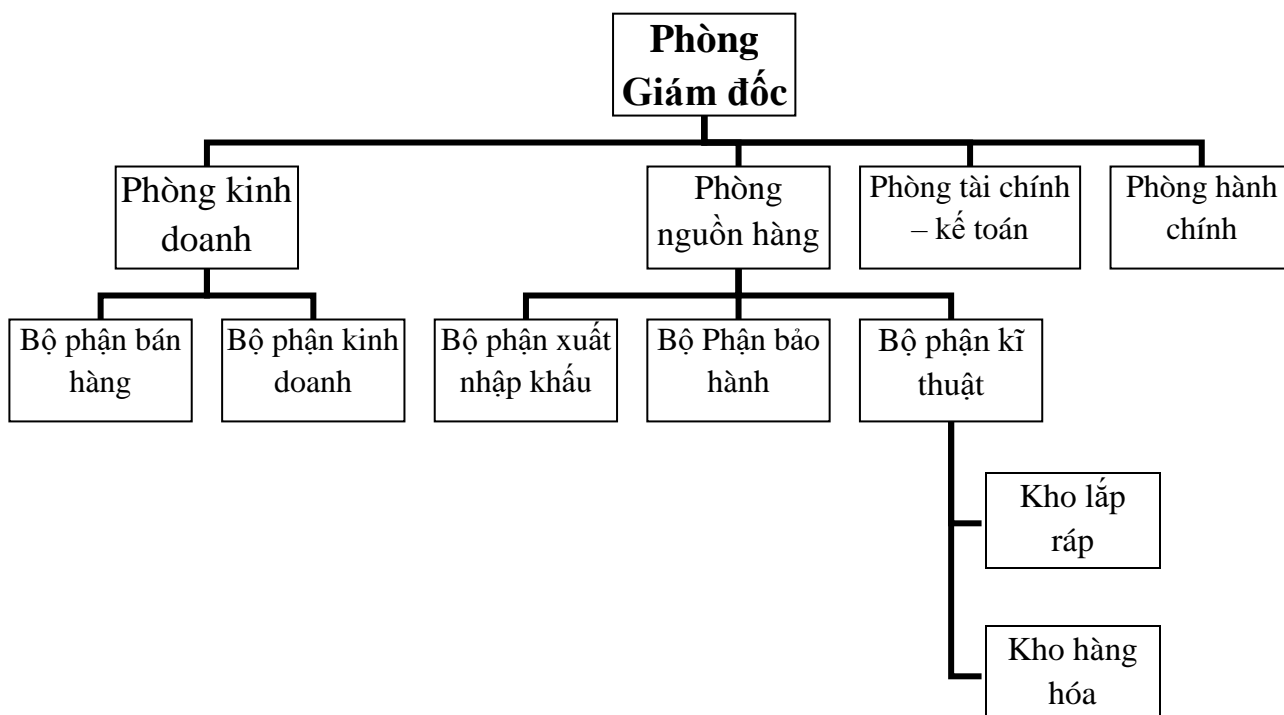
(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

### 2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi

- Doanh thu và chi phí tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi được hạch toán riêng theo từng hoạt động: hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- Kết quả kinh doanh được tập hợp chung cho 3 hoạt động để xác định thuế TNDN và lợi nhuận trong kỳ kế toán của công ty.
- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo năm dương lịch.

### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi



**Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi**  
(Nguồn: Bộ phận hành chính tổng hợp của công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty có mối liên hệ mật thiết với nhau tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh, nâng cao trách nhiệm của từng phòng ban chức năng. hạn chế tối đa sự trùng lặp trong quản lý, điều hành. tăng cường khả năng thông tin trong Công ty và giữa Công ty với khách hàng. Các phòng ban thường xuyên có thông tin ngược chiều cho nhau, tạo ra khả năng nắm bắt thông tin và tăng cường khả năng hợp tác, phối hợp trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu tổ chức của công ty là sự kết hợp giữa cơ cấu chức năng và cơ cấu trực tuyến nên đã phát huy được ưu nhược điểm từng cơ cấu

Sự phân công nhiệm vụ rõ ràng từng bộ phận phòng ban chuyên trách đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định nhu cầu, dự tính kinh phí, xác định kết quả hoạt động cho từng bộ phận.

\* *Thuyết minh sơ đồ cơ cấu tổ chức*

*❖ Phòng Giám đốc:*

- Là người đứng đầu công ty có quyền quyết định mọi hoạt động của công ty và cũng là đại diện pháp luật của công ty
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với công ty về các vấn đề như: trực tiếp đề ra các chiến lược, kế hoạch giám sát kiểm tra các phòng ban
- Ký kết các hợp đồng tài chính thương mại.
- Quyết định tuyển dụng, đào tạo, sa thải cán bộ nhân viên
- Quyết định mức lương thưởng, thù lao đối với người lao động trong công ty

*❖ Phòng kinh doanh:*

- Nghiên cứu thị trường
- Kí kết các hợp đồng kinh tế bán hàng
- Kí kết các hợp đồng đại lý bán hàng
- Quảng cáo các sản phẩm mới và hàng hóa của công ty
- Khảo sát hành vi ứng xử của khách hàng tiềm năng
- Xây dựng kế hoạch quảng cáo, bán hàng, các chiến lược về chính sách thanh toán, hình thức thanh toán

*❖ Phòng nguồn hàng:*

- Tìm hiểu khai thác nguồn hàng trong nước và ngoài nước để phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty
- Theo dõi thực hiện các hợp đồng kinh tế về bảo dưỡng, bảo hành các loại linh kiện, máy móc, xe ô tô
- Theo dõi việc lắp ráp các loại xe thuộc danh mục kinh doanh của công ty, đảm bảo chất lượng của các mặt hàng khi xuất xưởng
- Thực hiện đăng kiểm các loại xe trên khi xuất xưởng.
- Các kho trực thuộc: kho lắp ráp và kho hàng hóa

*❖ Phòng tài chính – Kế toán:*

- Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản, phát hiện

những bất cập trong luân chuyển chứng từ tại công ty và ngăn ngừa những hành vi vi phạm pháp luật về tài chính - kế toán.

- Giám sát, kiểm tra quá trình lập hóa đơn, chứng từ thanh toán và lưu trữ hóa đơn, chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng pháp luật kế toán và các chế độ chính sách của Nhà nước.

- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu và đề xuất những giải pháp phục vụ cho yêu cầu quản trị nội bộ.

Cung cấp thông tin kế toán theo quy định của pháp luật

- Phân tích thông tin, số liệu kế toán tham mưu để đề xuất giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của công ty

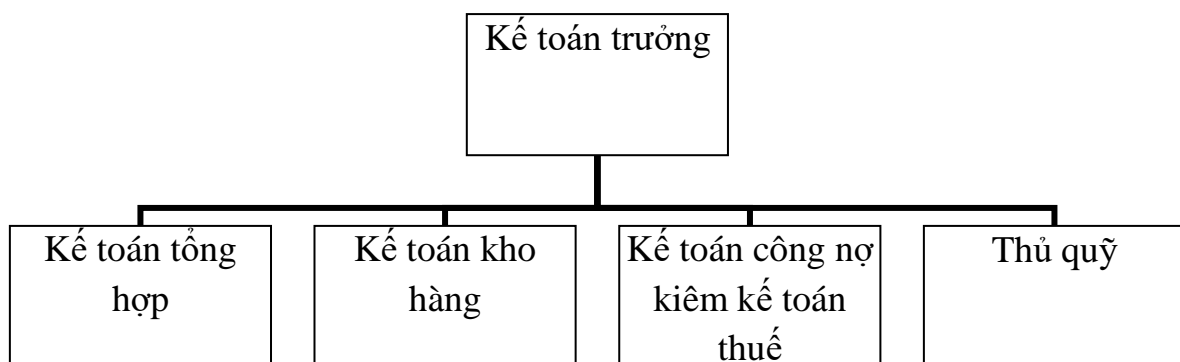
❖ *Phòng hành chính:*

- Có nhiệm vụ quản lý đôn đốc các phòng ban thực hiện các thủ tục hành chính như thủ tục vay vốn ngân hàng, ký các hợp đồng các loại.

- Quản lý, phân công, sắp xếp cán bộ, công nhân theo yêu cầu của các bộ phận liên quan cũng như bố trí các nhân viên vào các vị trí phù hợp với trình độ.

- Xây dựng các chính sách, thực hiện tuyển dụng lao động cho phù hợp với yêu cầu của công ty.

**2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi**



*Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu bộ máy kế toán của công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi (Nguồn: Bộ phận hành chính tổng hợp của công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)*

\* *Nhiệm vụ chức năng của các thành viên:*

❖ *Kế toán trưởng:*



- Là người đứng đầu phòng kế toán tài chính của công ty chịu trách nhiệm trước giám đốc về công tác tài chính của công ty. Trực tiếp phụ trách công tác chỉ đạo, điều hành tài chính, tổ chức hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ, quy định của Nhà nước, của ngành về công tác kế toán. Tham gia kí kết và kiểm tra các hợp đồng kinh tế. Tổ chức thông tin kinh tế và phân tích hoạt động kinh tế của công ty.

- Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, là người lập báo cáo tài chính

- Có ý kiến bằng văn bản với Giám đốc công ty về việc tuyển dụng, thuyên chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ.

❖ *Kế toán tổng hợp:*

- Tổng hợp quyết toán, tổng hợp nhật kí chung, sổ cái, bảng tổng kết tài sản của công ty, Đồng thời kế toán tổng hợp chi tiết về giá trị tài sản cố định.

- Hạch toán các khoản chi phí, các khoản trích trước, các khoản phân bổ các nghiệp vụ khác

- Trả lương cho người lao động, giám sát tình hình sử dụng quỹ lương, cung cấp tài liệu cho các phòng quản lý, chức năng, lập kế hoạch quỹ lương kỳ sau

- Kiểm tra số dư cuối kỳ có hợp lý và khớp đúng với các báo cáo chi tiết.

- Lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị theo mẫu

- Thống kê và tổng hợp số liệu kế toán khi có yêu cầu

- Cung cấp số liệu cho giám đốc hoặc các đơn vị chức năng khi có yêu cầu.

❖ *Kế toán kho hàng:*

- Giám sát tình hình hàng hóa nhập – xuất – tồn kho, theo dõi các nghiệp vụ phát sinh khi liên quan đến hàng hóa

- Hạch toán doanh thu, giá vốn

- Phối hợp với thủ kho nhanh chóng làm các thủ tục trong việc xuất hàng hóa cho khách hàng

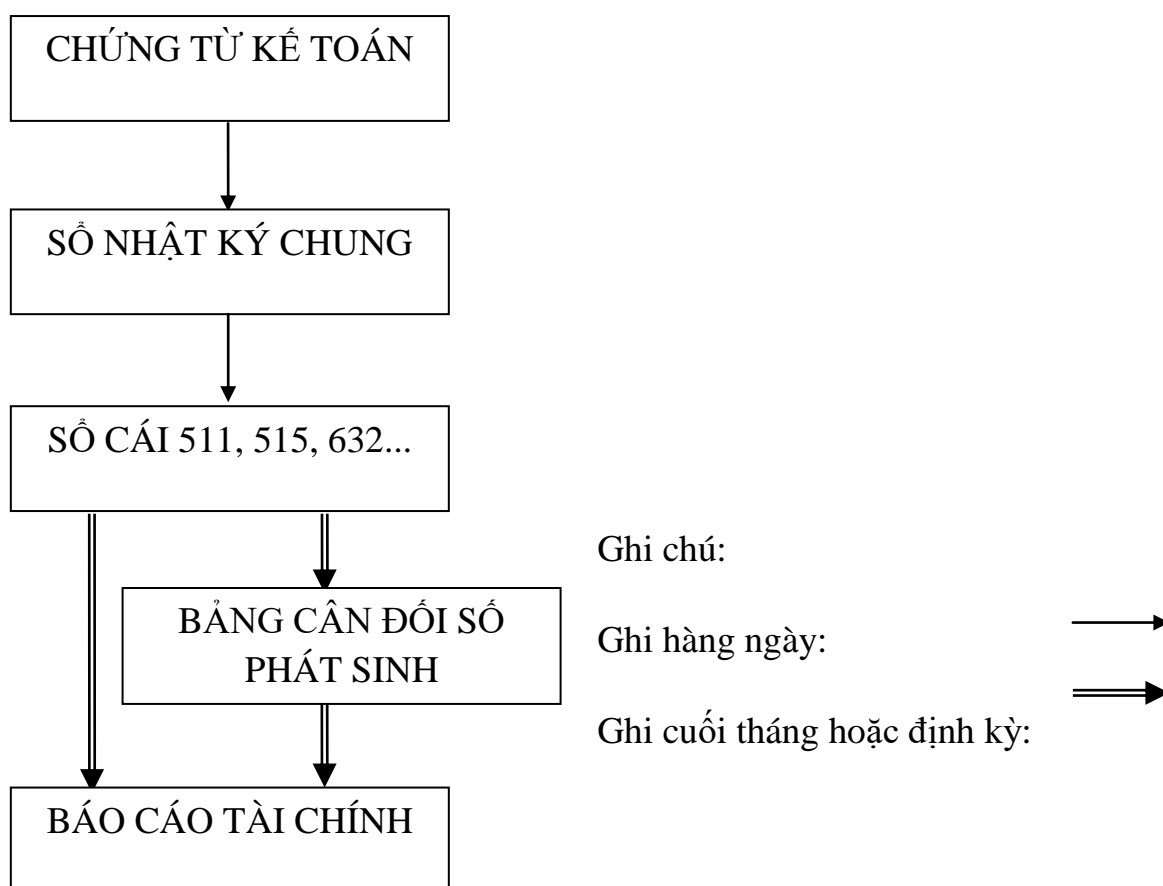
- Thường xuyên kiểm tra việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho, hàng hóa vật tư trong kho được sắp xếp hợp lý chưa, kiểm tra thủ kho có tuân thủ các quy định của công ty. Đối chiếu số liệu nhập xuất của thủ kho và kế toán

- Tham gia công tác kiểm kê định kỳ ( hoặc đột xuất), chịu trách nhiệm lập biên bản kiểm kê. Lập báo cáo tồn kho, báo cáo nhập xuất tồn.

❖ *Kế toán công nợ kiêm kế toán thuế:*

- Theo dõi tình hình công nợ của công ty hàng tháng đối chiếu với kế toán cơ sở tình hình công nợ nội bộ, công nợ khách hàng
  - Lập lịch thanh toán công nợ với khách hàng, lập báo cáo tình hình số dư công nợ của nội bộ theo từng đối tượng đột xuất hoặc định kỳ theo yêu cầu của BGD. KTT...
  - Đối chiếu kiểm tra tồn quỹ cuối ngày với thủ quỹ
  - Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh, kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào và đầu ra
  - Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của công ty và phân loại theo thuế suất, lập báo cáo thuế GTGT đầu vào theo tỷ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ
  - Theo dõi tình hình nộp ngân sách. tồn đọng ngân sách. và hoàn thuế của công ty. Kết hợp cùng Kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán
    - Hàng ngày tập hợp hóa đơn, chứng từ phát sinh để theo dõi hạch toán
    - Cuối tháng lập báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN và nộp tiền cho cơ quan thuế
    - Cuối năm lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế cho tháng cuối năm. báo cáo thuế TNDN quý IV.
- ❖ *Thủ quỹ:*
  - Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của công ty
  - Tự động kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày, quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt của công ty
  - Chịu trách nhiệm lưu giữ chứng từ thu chi tiền
  - Kiểm tra số tiền. nội dung. ngày tháng lập trên Phiếu thu, Phiếu chi với chứng từ gốc.
  - Kiểm tra số tiền thu vào hoặc chi ra cho chính xác để nhập hoặc xuất quỹ tiền mặt
    - Đảm bảo số dư tồn quỹ phục vụ kinh doanh và chi trả lương cho nhân viên bằng việc thông báo kịp thời số dư tồn quỹ cho kế tổng hợp.
- \* *Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng*
  - Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
  - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vốn xuất kho: phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT khấu trừ.
- Chế độ kế toán áp dụng: Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.
- Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



**Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi**  
( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi**

### **2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi**

#### **2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Chứng từ sử dụng:
  - + Hóa đơn GTGT
  - + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
  - + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...
- Tài khoản sử dụng:
  - + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
  - + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...
- Sổ sách sử dụng:
  - + Sổ Nhật ký chung
  - + Sổ Cái TK 511
- Nội dung hạch toán:

#### **\* Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 04/12, xuất bán 3 táp lô 1.51m với đơn giá 1.800.000/cái của xe FORLAND-1785(dạng xe dưới 8T) và 3 táp lô 1.99m dạng xe JAC/3T đơn giá 2.200.000/cái (chưa VAT 10%) cho công ty TNHH phụ tùng ô tô Vĩnh Cường theo HĐ số 0000982 ngày 04/12/2016, chưa thanh toán.

 Định khoản:

Nợ TK 131: 13.200.000

Có TK 511: 12.000.000

Có TK 3331: 1.200.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0000982 (Biểu số 2.1), Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

**Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HD0000982**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> (Liên 3: Nội bộ) Ngày 04 tháng 12 năm 2016			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: <b>0000982</b>																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI Mã số thuế: 0201027072 Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng Điện thoại: 0313.768.666 Số tài khoản: 10046200 tại NH Vietinbank – Hải Phòng																			
Họ tên người mua hàng..... Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH phụ tùng ô tô Vĩnh Cường Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">4</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table> Địa chỉ: Số 10/286 Lê Lai, phường Máy chai, Ngô Quyền, Hải Phòng Hình thức thanh toán: Số tài khoản: .....						0	2	0	1	6	8	6	7	5	4				
0	2	0	1	6	8	6	7	5	4										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Táp lô 1.51m (xe tải FORLAND)	cái	3	1.800.000	5.400.000														
2	Táp lô 1.99m (xe JAC/3T)	cái	3	2.200.000	6.600.000														
Cộng tiền hàng:					12.000.000														
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		1.200.000														
Tổng cộng thanh toán:					13.200.000														
Số tiền viết bằng chữ: mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)																			

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**\* Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 10/12, Bán 2 táp lô 1.99m với đơn giá 2.200.000/cái(chưa VAT) dạng xe tải JAC/3T cho công ty TNHH phụ tùng ô tô Vĩnh Cường theo HĐGTGT số 0001002, đã thanh toán bằng tiền mặt.

✚ Định khoản:

Nợ TK 111: 4.840.000

Có TK 511: 4.400.000

Có TK 3331: 440.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001002 (Biểu số 2.2), Kế toán tiến hành lập phiếu thu số 12-033 (Biểu số 2.3). Từ HĐ 0001002 và phiếu thu 12-033 kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

**Biểu số 2.2. Hóa đơn GTGT số HD0001002**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> (Liên 3: Nội bộ) Ngày 10 tháng 12 năm 2016			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: <b>0001002</b>																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI Mã số thuế: 0201027072 Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng Điện thoại: 0313.768.666 Số tài khoản: 10046200 tại NH Vietinbank – Hải Phòng																			
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH phụ tùng ô tô Vĩnh Cường Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center; width: 100px;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">6</td><td style="width: 20px;">8</td><td style="width: 20px;">6</td><td style="width: 20px;">7</td><td style="width: 20px;">5</td><td style="width: 20px;">4</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td> </tr> </table> Địa chỉ: Số 10/286 Lê Lai, phường Máy chai, Ngô Quyền, Hải Phòng Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: .....						0	2	0	1	6	8	6	7	5	4				
0	2	0	1	6	8	6	7	5	4										
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Táp lô 1.99m xe JAC/3T	cái	2	2.200.000	4.400.000														
Cộng tiền hàng:					4.400.000														
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		440.000														
Tổng cộng thanh toán:					4.840.000														
Số tiền viết bằng chữ: bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)																			

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.3. Phiếu thu số 12-033**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô  
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - TT  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU THU**

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Số: 12-033

Nợ TK111: 4.840.000

Có TK511: 4.400.000

Có TK3331: 440.000

Họ và tên người nộp tiền: Trần Thị Hằng

Địa chỉ: Công ty TNHH phụ tùng ô tô Vĩnh Cường

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng của HĐ GTGT 0001002

Số tiền: 4.840.000

Bằng chữ: bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):


Số tiền quy đổi:

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)



**\* Ví dụ minh họa 3:**

Ngày 19/12, xuất bán 20 táp lô 1.51m của xe tải FORLAND-1785 với đơn giá 1.800.000đồng/cái (chưa VAT 10%) cho Công ty phụ tùng ô tô Đình Tuấn theo HĐ GTGT số 0001014, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

 Định khoản:

Nợ TK 112: 39.600.000

Có TK 511 : 36.000.000

Có TK 3331: 3.600.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001022 (Biểu số 2.4) và giấy báo có của ngân hàng Vietinbank số 06307 (Biểu số 2.5). Kế toán tiến hàng ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)



**Biểu 2.5. Giấy báo có của ngân hàng Vietinbank**

 Nâng giá trị cuộc sống	<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	Mã GDV:
Ngân hàng VietinBank Chi nhánh: Hải Phòng	Ngày 19/12/2016	Mã KH:
		Số GD: 06307
Kính gửi: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI		
Mã số thuế: 0201027072		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 10046200		
Số tiền bằng số: 39.600.000		
Số tiền bằng chữ: ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng		
Nội dung: Công ty phụ tùng ô tô Đình Tuấn thanh toán tiền theo HĐ 0001014		
<b>GIAO DỊCH VIÊN</b>		<b>KIỂM SOÁT</b>

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.6. Trích sổ Nhật ký chung**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi			Mẫu số: S03a-DN			
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngõ			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC			
Quyền, Hải Phòng			ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính			
<b>TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG</b>						
<b>Tháng 12 năm 2016</b>						
<b>Đơn vị tính: VND</b>						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
04/12	HĐ982	04/12	Bán tấp lô 1.51m và 1.99m cho công ty Vĩnh Cường	131	13.200.000	
				511		12.000.000
				3331		1.200.000
...	...	...	...	...	...	...
10/12	HĐ1002 PT12-033	10/12	Bán tấp lô 1.99m cho cty Vĩnh Cường	111	4.840.000	
				511		4.400.000
				3331		440.000
...	...	...	...	...	...	...
19/12	HĐ1014 BGC6307	21/12	Bán tấp lô 1.51m cho cty Đình Tuấn	112	39.600.000	
				511		36.000.000
				3331		3.600.000
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>188.904.567.831</b>	<b>188.904.567.831</b>

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.7)

**Biểu số 2.7. Trích sổ cái tài khoản 511**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi			Mẫu số: S03b-DN			
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
<b>TRÍCH SỔ CÁI</b>						
<b>Tháng 12 năm 2016</b>						
<b>Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>						
<b>Số hiệu: 511</b>						
<b>Đơn vị tính: VND</b>						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
04/12	HĐ982	04/12	Bán tấp lô 1.51m và 1.99m cho công ty Vĩnh Cường	131		12.000.000
...	...	...	...	...	...	...
10/12	HĐ1002 PT12-033	10/12	Bán tấp lô 1.99m cho cty Vĩnh Cường	111		4.400.000
...	...	...	...	...	...	...
19/12	HĐ1014 BGC6307	21/12	Bán tấp lô 1.51m cho cty Đình Tuấn	112		36.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	911	39.380.000.000	39.380.000.000
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>39.380.000.000</b>	<b>39.380.000.000</b>
			Số dư cuối năm			

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

### ***2.2.1.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi***

- Chứng từ sử dụng:
  - + Phiếu kế xuất kho
  - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng:
  - + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- Sổ sách sử dụng:
  - + Sổ Nhật ký chung
  - + Sổ Cái TK 632
- Phương pháp hạch toán hạch toán:

***\* Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 04/12, xuất bán 3 táp lô 1.51m của xe tải FORLAND-1785(dạng xe dưới 8T) và 3 táp lô 1.99m xe tải JAC/3T cho công ty TNHH phụ tùng ô tô Vĩnh Cường theo HĐ số 0000982 ngày 04/12/2016.

Kế toán lập PXX số 12-09 (như biểu 2.8)

**Biểu số 2.8. Phiếu xuất kho số 12-09**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô  
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 04 tháng 12 năm 2016

Số: 12-09

Nợ TK632:

Có TK156:

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Xuân Tú

Địa chỉ: Cty TNHH phụ tùng ô tô Vĩnh Cường

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng cho khách

Xuất tại kho (ngăn lô):

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Táp lô 1.51m xe tải FORLAND		Cái	3	3		
2	Táp lô 1.99m xe tải JAC/3T		Cái	3	3		
	<b>Cộng</b>						

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

Ngày 04 tháng 12 năm 2016

**Người lập  
phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người nhận  
hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

- Từ phiếu xuất kho 12-09 ( Như biểu 2.8) kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ ( sản phẩm hàng hóa) như biểu 2.9

**Biểu số 2.9. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng					Mẫu số: S10-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)					
<b>TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)</b>										
Tháng 12 năm 2016										
Tài khoản: 156										
Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): Táp lô 1.51m										
Đơn vị tính: cái										
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<b>Số dư đầu tháng 12/2016</b>		<b>1.650.000</b>					<b>100</b>	<b>165.000.000</b>
PNK12-03	02/12	Nhập kho hàng hóa	112	1.600.000	30	48.000.000			130	
PXK12-09	04/12	Xuất kho theo HD982	632				3		127	
PXK12-057	19/12	Xuất kho theo HD1014	632				20		107	
PNK12-059	20/12	Nhập kho hàng hóa	112	1.600.000	40	66.800.000			147	
BKX 01/12	31/12	Cộng tháng		1.645.883	70	114.800.000	23	37.855.309		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>							<b>147</b>	<b>241.944.691</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
--------------	----------------	----------



\* **Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 19/12, xuất bán 20 táp lô 1.51m của xe tải FORLAND-1785 với đơn giá 1.800.000đồng/cái (chưa VAT 10%) cho Công ty phụ tùng ô tô Đình Tuấn theo HĐ GTGT số 0001014, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Kế toán lập PXX số 12-057 (như biểu 2.10)

**Biểu số 2.10. Phiếu xuất kho số 12-057**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô  
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 19 tháng 12 năm 2016

Số: 12-057

Nợ TK632:

Có TK156:

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Xuân Tú

Địa chỉ: Cty TNHH phụ tùng ô tô Vĩnh Cường

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng cho khách

Xuất tại kho (ngăn lô):

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Táp lô 1.51m xe tải FORLAND		Cái	20	20		
	<b>Cộng</b>						

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

Ngày 19 tháng 12 năm 2016

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người nhận hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

- Từ phiếu xuất kho số 12-057 như biểu 2.10 kê toán ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa như biểu 2.9)
- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 12-09, 12-057. Cuối tháng kê toán lập Bảng kê chứng từ xuất kho theo (biểu số 2.11).

**Biểu 2.11: Bảng kê chứng từ xuất kho****BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO HÀNG HÓA**

Số BKX: 01/12

Tên vật liệu: Táp lô 1.51m

Đối tượng sử dụng: Xe tải

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Cái

Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá xuất kho	Thành tiền
Số hiệu	Ngày tháng					
PXK12-09	04/12	Xuất kho theo HĐ982	cái	3		
PXK12-057	19/12	Xuất kho theo HĐ1014	cái	20		
		<b>Cộng</b>		23	1.645.883	<b>37.855.309</b>

*( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)*



**Biểu số 2.12. Phiếu xuất kho số 12-034**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô  
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Số: 12-034

Nợ TK632:

Có TK156:

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Xuân Tú

Địa chỉ: Cty TNHH phụ tùng ô tô Vĩnh Cường

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng cho khách

Xuất tại kho (ngăn lô):

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Táp lô 1.99m xe tải JAC/3T		Cái	2	2		
	<b>Cộng</b>						

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): bốn triệu đồng chẵn

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người nhận hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

- Từ phiếu xuất kho 12-034( như biểu 2.12) kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa, (như biểu 2.13)

**Biểu số 2.13. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi				Mẫu số: S10-DN						
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)						
<b>TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)</b>										
Tháng 12 năm 2016										
Tài khoản: 156										
Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): Táp lô 1.99m										
Đơn vị tính: cái										
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<u>Số dư đầu tháng 12/2016</u>		2.000.000					<b>85</b>	<b><u>170.000.000</u></b>
PXK12-09	04/12	Xuất kho theo HĐ982	632				3		82	
PNK12-015	06/12	Nhập kho hàng hóa	112	1.980.000	10	19.800.000			92	
PXK12-034	10/12	Xuất kho theo HĐ1002	632				2		90	
BKX 02/12		Cộng tháng		1.997.895	10	19.800.000	5	9.989.475		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>							<b>90</b>	<b><u>179.810.525</u></b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016										
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc				

Căn cứ vào phiếu xuất kho số cuối tháng kế toán lập Bảng kê chứng từ xuất kho theo (biểu số 2.14).

**Biểu 2.14: Bảng kê chứng từ xuất kho****BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO HÀNG HÓA**

Số BKK: 02/12

Tên vật liệu: Táp lô 1.99m

Đối tượng sử dụng: Xe tải

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Cái

Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá xuất kho	Thành tiền
Số hiệu	Ngày tháng					
PXK12-09	04/12	Xuất kho theo HĐ982	cái	3		
PXK12-034	10/12	Xuất kho theo HĐ1002	cái	2		
		<b>Cộng</b>		5	1.997.895	<b>9.989.475</b>

*( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)*

Từ số liệu của Sổ chi tiết hàng hóa (biểu 2.13), kê toán tiến hành tính đơn giá xuất kho cho hàng hóa Táp lô 1.99m

Do tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ nên giá vốn xuất kho được tính vào cuối kỳ. Cách tính giá xuất hàng hóa Táp lô 1.99m như sau:

- Tồn đầu kỳ:                      Số lượng: 85cái                      Trị giá 170.000.000đ
- Trị giá nhập kho cả kỳ = 10 cái                      Trị giá: 19.800.000đ

$$\begin{array}{r} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{Táp lô} \\ \text{1.99m cả} \\ \text{kì} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Trị giá} \\ \text{Táp lô} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá Táp} \\ \text{lô nhập kho} \\ \text{cả kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Số lượng} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Số lượng} \\ \text{nhập kho cả} \\ \text{kì} \end{array}} = \frac{170.000.000 + 19.800.000}{85 + 10} \\ = 1.997.895\text{đ/cái}$$

Trị giá Táp lô 1.99m xuất kho cả tháng =  $5 \times 1.997.895 = 9.989.475\text{đ}$ ,  
được ghi vào Bảng kê xuất số 02/12 (Biểu số 2.14)

- Từ bảng kê phiếu xuất kho (như biểu 2.11, 2.14) kê toán ghi vào sổ nhật ký chung như (biểu 2.15)

**Biểu số 2.15. Trích sổ Nhật ký chung**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô  
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Tháng 12 năm 2016**

**Đơn vị tính: VND**

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
BKX 01/12	31/12	Xuất kho Táp lô 1.51m	632	37.855.309	
			156		37.855.309
BKX 02/12	31/12	Xuất kho Táp lô 1.99m	632	9.989.475	
			156		9.989.475
...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>188.904.567.831</b>	<b>188.904.567.831</b>

*(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)*



- Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.16)

**Biểu số 2.16. Trích sổ cái tài khoản 632**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô  
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**  
**Tháng 12 năm 2016**  
**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**  
**Số hiệu: 632**

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
		Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...
BKX 01/12	31/12	Xuất kho tấp lô 1.51m	156		37.855.309
BKX 02/12	31/12	Xuất kho tấp lô 1.99m	156		9.989.475
...	...	...	...	...	...
PKT30	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		31.216.953.000
		<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>31.216.953.000</b>	<b>31.216.953.000</b>
		Số dư cuối năm			

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

- Chứng từ sử dụng:
  - + Hóa đơn GTGT
  - + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
  - + Bảng thanh toán lương
  - + Bảng tính khấu hao và phân bổ khấu hao
- Tài khoản sử dụng:
  - + Tài khoản 641: Chi phí bán hàng
  - + Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Sổ sách sử dụng:
  - + Sổ Nhật ký chung
  - + Sổ Cái TK 641,642
- Nội dung hạch toán:

**\* Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 08/12, Công ty thanh toán tiền sửa chữa máy Photocopy và máy Fax phục vụ ở bộ phận bán hàng cho công ty TNHH phát triển TM & DV Đỗ Gia

**\* Định khoản:**

Nợ TK 641: 1.000.000

Nợ TK 133: 100.000

Có TK 111: 1.100.000

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000266 (Biểu số 2.17), kế toán tiến hành lập phiếu chi số 12-021 (Biểu số 2.18), sau đó phản ánh nghiệp vụ trên vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.23)

**Biểu số 2.17. Hóa đơn GTGT số HD0000266**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> (Liên 2: Giao khách hàng) Ngày 08 tháng 12 năm 2016			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: <b>0000266</b>																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐỒ GIA Mã số thuế: 0201310065 Địa chỉ: Số 116 Cát Bi, Q.Hải An, TP.Hải Phòng Điện thoại: 0313.588.259 Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng..... Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table> Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy chài, Ngô Quyền, Hải Phòng Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: .....						0	2	0	1	0	2	7	0	7	2				
0	2	0	1	0	2	7	0	7	2										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Thanh toán phí sửa chữa máy photo và máy fax				1.000.000														
<b>Cộng tiền hàng:</b>					1.000.000														
<b>Thuế suất GTGT: 10 %</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b>		100.000														
<b>Tổng cộng thanh toán:</b>					1.100.000														
Số tiền viết bằng chữ: một triệu một trăm nghìn đồng chẵn.																			
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																			

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.18. Phiếu chi số 12-021**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai,  
Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 - TT  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU CHI**

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Số: 12-021

Nợ TK641: 1.000.000

Có TK133: 100.000

Có TK111: 1.100.000

Họ và tên người nhận tiền: Lê Tuấn Anh

Địa chỉ: Công Ty TNHH Phát Triển Thương Mại Và Dịch Vụ Đỗ Gia

Lý do chi: Chi tiền sửa chữa máy photo, máy fax

Số tiền: 1.100.000

Bằng chữ: một triệu một trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): một triệu một trăm nghìn đồng chẵn

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**\* Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 24/12 Công ty mua văn phòng phẩm phục vụ cho bộ phận văn phòng quản lý của Công ty cổ phần Tiên Phong theo hóa đơn GTGT số 0003725, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

**\* Định khoản:**

Nợ TK 642: 1.356.000

Nợ TK 133: 136.500

Có TK 111: 1.501.500

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0003725 (Biểu số 2.19), kế toán lập phiếu chi số 12-063 (Biểu số 2.20), sau đó tiến hành phản ánh nghiệp vụ trên vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.23)

**Biểu số 2.19. Hóa đơn GTGT số HD0003725**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> <i>(Liên 2: Giao khách hàng)</i> Ngày 24 tháng 12 năm 2016			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: <b>0003725</b>																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN PHONG Mã số thuế: 0100778001 Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng Điện thoại: 0313.588.259 Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng..... Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table> Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy chài, Ngô Quyền, Hải Phòng Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: .....						0	2	0	1	0	2	7	0	7	2				
0	2	0	1	0	2	7	0	7	2										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Bìa kẹp A4 FO	cái	5	32.000	160.000														
2	Bìa 60 lá A4 FO	cái	10	58.000	580.000														
3	File 5 ngăn	cái	5	128.000	625.000														
<b>Cộng tiền hàng:</b>					1.365.000														
<b>Thuế suất GTGT: 10 %</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b>		136.500														
<b>Tổng cộng thanh toán:</b>					1.501.500														
Số tiền viết bằng chữ: một triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng.																			
Người mua hàng <i>(Đã ký)</i>		Người bán hàng <i>(Đã ký)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Đã ký và đóng dấu)</i>															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																			

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.20. Phiếu chi số 12-063**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai,  
Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 - TT  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU CHI**

Ngày 24 tháng 12 năm 2016

Số: 12-063

Nợ TK642: 1.365.000

Có TK133: 136.500

Có TK111: 1.501.500

Họ và tên người nhận tiền: Đỗ Thị Lan

Địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN PHONG

Lý do chi: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.501.500

Bằng chữ: một triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): một triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

\* **Ví dụ minh họa 3:**

Ngày 31/12: Công ty tính lương phải trả tháng 12 cho cán bộ công nhân viên, từ đó lập bảng phân bổ tiền lương và trích theo lương (Biểu số 2.21 ), sau đó kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.23)

**Biểu số 2.21 Bảng phân bổ tiền lương và BHXH**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 11 - LĐTL  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**  
Tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Ghi Có  Ghi Nợ	Ghi có 334	Lương tính BH	Ghi có TK 338									Cộng có TK338
			Người sử dụng lao động chịu					Người lao động chịu				
			BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	
			18%	3%	1%	2%		8%	1.5%	1%		
TK 641	32.759.000	29.960.000	5.392.800	898.800	299.600	599.200	7.190.400					<b>7.190.400</b>
TK 642	63.791.000	56.175.000	10.111.500	1.685.250	561.750	1.123.500	13.482.000					<b>11.965.000</b>
TK 334								6.890.800	1.292.025	861.350	9.044.175	<b>9.044.175</b>
<b>Cộng</b>	<b>96.550.000</b>	<b>86.135.000</b>	15.504.300	2.584.050	861.350	1.722.700	20.672.400	6.890.800	1.292.025	861.350	9.044.175	<b>21.009.175</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)



- \* **Ví dụ minh họa 4:** Ngày 31/12 công ty tính khấu hao cho tháng 12, từ đó lập Bảng tính và phân bổ khấu hao (Biểu số 2.22), sau đó kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.23)

**Biểu số 2.22. Bảng tính và phân bổ khấu hao của công ty**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, Phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 06-TSCĐ  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-  
BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỔ KHẤU HAO**  
Tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK641	TK642
			Nguyên giá	Số khấu hao		
1	Số khấu hao trích tháng trước		478.942.301	3.926.782	1.437.491	2.489.291
2	Số khấu hao tăng tháng này			-	-	-
3	Số khấu hao giảm tháng này			-	-	-
4	Số khấu hao trích tháng này		478.942.301	3.926.782	1.437.491	2.489.291

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.23. Trích sổ Nhật ký chung**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô  
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Tháng 12 năm 2016****đơn vị tính: VND**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
08/12	PC 12-021	08/12	Thanh toán tiền sửa máy photo, máy fax	641	1.000.000	
	HD 266			133	100.000	
				111		1.100.000
...	...	...	...	...	...	...
24/12	PC 12-063	24/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642	1.356.000	
	HD 3725			133	136.500	
				111		1.501.500
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBL 12	31/12	Lương trả tháng 12	641	32.759.000	
				642	63.791.000	
				334		96.550.000
			Khoản trích lương	641	7.190.400	
				642	11.965.000	
				334	9.044.175	
				338		21.009.175
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BKHT 12		Khấu hao tháng 12	641	1.437.491	
				642	2.489.291	
				214		3.926.782
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>188.904.567.831</b>	<b>188.904.567.831</b>

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (biểu 2.23), kế toán tiên hành ghi sổ cái TK641 (biểu số 2.24) và sổ cái TK642 (biểu số 2.25)

**Biểu số 2.24. Trích sổ cái TK641**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô  
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**  
**Tháng 12 năm 2016**  
**Tên tài khoản: Chi phí bán hàng**  
**Số hiệu: 641**

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
...	...	...	...	...	...	...
08/12	PC12-021	08/12	Thanh toán tiền sửa máy fax, máy photo	111	1.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBLT 12	31/12	Tính lương tháng 12	334	32.759.000	
			Tính các khoản trích theo lương	338	7.190.400	
31/12	BKHT 12	31/12	Tính khấu hao tháng 12	214	1.437.491	
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		1.425.081.309
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>1.425.081.309</b>	<b>1.425.081.309</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.25. Trích sổ cái TK641**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngõ  
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**  
**Tháng 12 năm 2016**  
**Tên tài khoản: Chi phí QLDN**  
**Số hiệu: 642**

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
...	...	...	...	...	...	...
24/12	PC12-063	24/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.356.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBLT 12	31/12	Tính lương tháng 12	334	63.791.000	
			Tính các khoản trích theo lương	338	11.965.000	
31/12	BKHT 12	31/12	Tính khấu hao tháng 12	214	2.489.291	
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		3.325.189.722
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>3.325.189.722</b>	<b>3.325.189.722</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi**

- Chứng từ sử dụng:
    - + Sổ phụ ngân hàng
    - + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
  - Tài khoản sử dụng:
    - + Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
    - + Tài khoản 635: Chi phí tài chính.
  - Sổ sách sử dụng:
    - + Sổ Nhật ký chung
    - + Sổ Cái TK 515, TK 635
  - Nội dung hạch toán:
- \* **Ví dụ minh hoạt 1:** Ngày 31/12 công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi nhận được tiền lãi của ngân hàng VietinBank với số tiền 462.541 bằng chuyển khoản


\* Định khoản:

Nợ TK 112: 462.541

Có TK 515: 462.541

Căn cứ vào Giấy báo có GBC08636 (biểu 2.26) từ ngân hàng VietinBank, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.27)

**Biểu 2.26. Giấy báo có của ngân hàng Vietinbank**

 <b>VietinBank</b> Nâng giá trị cuộc sống	<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	Mã GDV:
Ngân hàng VietinBank Chi nhánh: Hải Phòng	Ngày 31/12/2016	Mã KH:
		Số GD: 08636
Kính gửi: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI		
Mã số thuế: 0201027072		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 10046200		
Số tiền bằng số: 462.541		
Số tiền bằng chữ: bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi một đồng		
Nội dung: lãi tiền gửi		
<b>GIAO DỊCH VIÊN</b>		<b>KIỂM SOÁT</b>

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.27. Trích sổ Nhật ký chung**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô  
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Tháng 12 năm 2016****đơn vị tính: VND**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
08/12	PC 12-021	08/12	Thanh toán tiền sửa máy photo, máy fax	641	1.000.000	
	HĐ 266			133	100.000	
				111		1.100.000
...	...	...	...	...	...	...
24/12	PC 12-063	24/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642	1.356.000	
	HĐ 3725			133	136.500	
				111		1.501.500
...	...	...	...	...	...	...
31/12	GBC8636	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112	462.541	
				515		462.541
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>188.904.567.831</b>	<b>188.904.567.831</b>

( Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK515 (biểu số 2.28).

**Biểu số 2.28. Trích sổ cái TK515**

Công ty TNHH đầu tư thương mại Bảo Lợi			Mẫu số: S03b-DN			
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-			
Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng			BTC			
			ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính			
<b>TRÍCH SỔ CÁI</b>						
<b>Tháng 12 năm 2016</b>						
<b>Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính</b>						
<b>Số hiệu: 515</b>						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	GCB8636	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112		462.541
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	911	9.526.380	
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>9.526.380</b>	<b>9.526.380</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)



### **2.2.3. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi**

\* Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

\* Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

\* **Ví dụ minh họa:**

Ngày 31/12: Các bút toán kết chuyển cuối năm 2016, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK511, TK515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 29 (Biểu số 2.29) để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

**Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 29**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi

Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 29****Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	39.380.000.000
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	9.526.380
	<b>Cộng</b>			<b>39.389.526.380</b>

**Người lập***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)*

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632, 641, 642 kê toán tiến hành lập phiếu kế toán số 30 (Biểu số 2.30) để kết chuyển chi phí

**Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 30**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi

Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 30**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	31.216.953.000
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	1.425.081.309
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	3.325.189.722
	<b>Cộng</b>			<b>35.967.224.031</b>

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 29 và Phiếu kế toán số 30 kế toán ghi vào sổ nhật chung (Biểu số 2.34)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK511 (Biểu số 2.7), sổ cái TK515 (Biểu số 2.27), sổ cái TK 632 (Biểu số 2.16), sổ cái TK 641 (Biểu số 2.24), Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.25), sổ cái TK 911 (Biểu số 2.35)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 31 (Biểu số 2.31) phản ánh thuế TNDN phải nộp

### **Biểu số 2.31. Phiếu kế toán số 31**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi

Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

#### **PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 31**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2016	821	3334	684.460.470
	<b>Cộng</b>			<b>684.460.470</b>

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 31, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.34)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK821 (Biểu số 2.36)  
Căn cứ vào sổ cái TK821, kế toán lập Phiếu kế toán số 32 (Biểu số 2.32) phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế năm 2016.

**Biểu số 2.32. Phiếu kế toán số 32**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi

Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 32**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	684.460.470
	<b>Cộng</b>			<b>684.460.470</b>

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 32, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.34)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK821 (Biểu số 2.36), Tài khoản 911 (Biểu số 2.35)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán lập phiếu kế toán số 33 (Biểu số 2.33) phản ánh kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

**Biểu số 2.33. Phiếu kế toán số 33**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi				
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng				
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b>				
<b>Số: 33</b>				
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	2.737.841.879
	<b>Cộng</b>			<b>2.737.841.879</b>
<b>Người lập</b>			<b>Kế toán trưởng</b>	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 33, Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.34)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK911 (Biểu số 2.35), sổ cái TK421 (Biểu số 2.37)

Căn cứ vào các sổ cái, Kế toán lập Bảng cân đối tài khoản (Biểu số 2.38) và bảng Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 (Biểu số 2.39)

**Biểu số 2.34. Trích sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi				Mẫu số: S03a-DN		
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai,				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC		
Ngô Quyền, Hải Phòng				ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính		
<b>TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG</b>						
<b>Tháng 12 năm 2016</b>						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	39.380.000.000	
				515	9.9526.380	
				911		39.389.526.380
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	35.967.224.031	
				632		31.216.953.000
				641		1.425.081.309
				642		3.325.189.722
31/12	PKT31	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	684.460.470	
				3334		684.460.470
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	684.460.470	
				821		684.460.470
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	2.737.841.879	
				421		2.737.841.879
			Cộng lũy kế từ đầu năm		<b>188.904.567.831</b>	<b>188.904.567.831</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.35. Trích sổ cái TK 911**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai,  
Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI****Tháng 12 năm 2016****Tên tài khoản: Kết quả kinh doanh****Số hiệu: 911**

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu, bán hàng	511		39.380.000.000
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		9.526.380
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	31.216.953.000	
			Kết chuyển chi phí bán hàng	641	1.425.081.309	
			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	3.325.189.722	
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	684.460.470	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	2.737.841.879	
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>39.389.526.380</b>	<b>39.389.526.380</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)



**Biểu số 2.36. Trích sổ cái TK 821**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai,  
Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI****Tháng 12 năm 2016****Tên tài khoản: Thuế TNDN****Số hiệu: 821**

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT31	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	684.460.470	
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		684.460.470
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>684.460.470</b>	<b>684.460.470</b>
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.37. Trích sổ cái TK 421**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai,  
Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI****Tháng 12 năm 2016****Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối****Số hiệu: 421**

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			<b>580.217.265</b>
			Số phát sinh			
31/12	PKT33	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2016	911		2.737.841.879
			Cộng lũy kế từ đầu năm			<b>3.318.059.144</b>
			Số dư cuối năm			<b>3.318.056.144</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.38. Trích bảng cân đối số phát sinh**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S06-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH**  
Năm 2016

SH TK	Tên TK	SDDK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	...		...				...
421	Lợi nhuận chưa phân phối		580.217.265		2.737.841.879		3.318.059.144
511	Doanh thu BH và CCDV			39.380.000.000	39.380.000.000		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			9.526.380	9.526.380		
632	Giá vốn hàng bán			31.216.953.000	31.216.953.000		
641	Chi phí bán hàng			1.425.081.309	1.425.081.309		
642	Chi phí QLDN			3.325.189.722	3.325.189.722		
821	Chi phí thuế TNDN			684.460.470	684.460.470		
911	Xác định kết quả kinh doanh			39.389.526.380	39.389.526.380		
	<b>Tổng</b>	<b>56.789.932.213</b>	<b>56.789.932.213</b>	<b>188.904.567.831</b>	<b>188.904.567.831</b>	<b>89.780.567.345</b>	<b>89.780.567.345</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi)

**Biểu số 2.39. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI

Mã số thuế: 021027072

Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>IV.08</b>	<b>39.380.000.000</b>	<b>21.190.000.000</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>39.380.000.000</b>	<b>21.190.000.000</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		31.216.953.000	17.635.281.000
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>8.163.047.000</b>	<b>3.554.719.000</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		9.526.380	5.201.018
7. Chi phí tài chính	22		-	242.719.577
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	242.719.577
8. Chi phí bán hàng	24		1.425.081.309	697.893.520
9. Chi phí quản lý kinh doanh	25		3.325.189.722	1.046.840.280
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - (22 + 24 + 25)]</b>	<b>30</b>		<b>3.422.302.349</b>	<b>1.572.466.641</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>IV.09</b>	<b>3.422.302.349</b>	<b>1.572.466.641</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		684.460.470	314.493.328
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>2.737.841.879</b>	<b>1.257.973.313</b>

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

### CHƯƠNG 3.

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BẢO LỢI

### 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi

#### 3.1.1. Ưu điểm

- Về bộ máy tổ chức kế toán:
  - + Bộ máy tổ chức kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ đối với công ty. Hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên trong công ty. Bộ máy kế toán tổ chức quy củ, có kế hoạch, các báo cáo được lập nhanh chóng, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý.
- Về hạch toán ghi sổ:
  - + Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản, sổ sách kế toán mở đầy đủ phù hợp với hoạt động kinh doanh tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ
- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:
  - + Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu
  - + Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí một cách hợp lý hơn.
  - + Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

#### 3.1.2. Hạn chế

- Hạch toán ở công ty chủ yếu được ghi chép bằng tay. Hệ thống máy ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ cho công tác kế toán, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong việc hạch toán.

– Công ty đang áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ, tuy nhiên phương pháp này độ chính xác không cao, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác, phương pháp này chưa đáp ứng được yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

– Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng.

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất đến mức có thể.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi chưa thực sự được hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động của doanh nghiệp chưa phát huy hết được hiệu quả tối đa. Bởi vậy việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng là hết sức cần thiết.

Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh hiệu quả sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và sử dụng các khoản chi phí, đồng thời giúp nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ một cách chính xác và kịp thời. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển doanh nghiệp và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh**

– Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

+ Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

+ Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi.

+ Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

+ Đảm bảo thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành.

– Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đạt được trong công tác hạch toán.

### **3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi**

#### **3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi**

Hiện tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi đang áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho theo bình quân cả kì. Tuy nhiên phương pháp này độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tính kịp thời của việc cung cấp thông tin giá thành sản phẩm, hàng hóa.

Chính vì vậy công ty nên áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này sẽ khắc phục được những nhược điểm của phương pháp bình quân cả kì.

❖ Công thức tính giá theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân hàng tồn kho sau lần nhập } j = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập } j}{\text{Lượng hàng tồn kho sau lần nhập } j}$$

Áp dụng vào tình hình thực tế xuất kho tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi như sau:

**Ví dụ:** Ngày 04/12, xuất bán 3 táp lô 1.51m của xe tải FORLAND-1785(dạng xe dưới 8T) và 3 táp lô 1.99m xe tải JAC/3T cho công ty TNHH phụ tùng ô tô Vĩnh Cường theo HĐ số 0000982 ngày 04/12/2016.

#### **Ta có:**

- Tồn đầu kỳ của táp lô 1.51m là:

Số lượng: 100 cái - Đơn giá: 1.650.000đ/cái

➤ Trị giá tồn đầu kỳ bằng  $= 100 \times 1.650.000 = 165.000.000 \text{ đ}$

- Ngày 02/12 nhập kho: SL: 30 cái – Đơn giá: 1.600.000đ/cái

➤ Trị giá nhập kho ngày 02/12  $= 30 \times 1.600.000 = 48.000.000 \text{ đ}$

- Ngày 04/12 xuất kho 03 cái tấp lô 1.51m

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{tấp lô} \\ \text{1.51m} \\ \text{ngày 04/12} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá tấp lô} \\ \text{1.51m tồn cuối} \\ \text{02/12} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Lượng tấp lô} \\ \text{1.51m tồn cuối} \\ \text{02/12} \end{array}} = \frac{165.000.000 + 48.000.000}{100 + 30} = 1.638.462 \text{ (đ/cái)}$$

➤ Trị giá xuất kho ngày 04/12  $= 03 \times 1.638.462 = 4.915.386 \text{ đ}$

➤ Tính tương tự cho ngày 19/12

- Sau khi tính được đơn giá xuất kho và trị giá xuất kho của ngày 04/12 như trên, kế toán ghi vào PXX, từ đó ghi vào sổ chi tiết hàng hóa (như biểu 3.1)



**Biểu số 3.1: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)**

Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi  
Địa chỉ: Số 226 Lê Lai, phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

**Mẫu số: S10-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)**

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản: 156

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): Táp lô 1.51m

Đơn vị tính: cái

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<b><u>Số dư đầu tháng 12/2016</u></b>		<b>1.650.000</b>					<b><u>100</u></b>	<b><u>165.000.000</u></b>
PNK12-03	02/12	Nhập kho hàng hóa	112	1.600.000	30	48.000.000			130	213.000.000
PXK12-09	04/12	Xuất kho theo HĐ982	632	1.638.462			3	4.915.386	127	208.086.614
PXK12-057	19/12	Xuất kho theo HĐ1014	632	1.638.462			20	32.769.240	107	175.315.374
PNK12-059	20/12	Nhập kho hàng hóa	112	1.600.000	40	66.800.000			147	242.115.374
		Cộng tháng			70	114.800.000	23	37.684.626		
		<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>							<b><u>147</u></b>	242.115.374

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

### 3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban Giám đốc. Giúp ban Giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương nhân viên,... giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn. Để phù hợp với quy mô của Công ty thì kế toán trưởng nên lựa chọn phần mềm kế toán MISA. Một số giao diện về phần mềm:



Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA

– Thông tin về giá:

**Biểu 3.2: Bảng báo giá phần mềm kế toán MISA SME.NET2015**

Stt	Gói sản phẩm/dịch vụ	Đơn vị tính	Giá	Mô tả chi tiết
1	Express	Gói	Miễn phí	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa 150 chứng từ/năm.
2	Starter	Gói	2,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa 1000 chứng từ/năm.
3	Standard	Gói	6,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - 11 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
4	Professional	Gói	8,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - 13 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
5	Enterprise	Gói	10,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

(Theo thông tin đơn vị cung cấp: Công ty CP Misa)

**3.4.3. Kiến nghị 3: Tiền lương làm căn cứ trích các khoản theo lương cho người lao động tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi**

Hiện tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi đang lấy căn cứ trích các khoản theo lương là mức lương tối thiểu vùng. Mà theo quyết định mới: từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/12/2017, căn cứ trích BHXH sẽ là mức lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật về lao động ghi trong hợp đồng lao động.

Nếu công ty đóng bảo hiểm cho người lao động dựa trên khoản lương ký trên hợp đồng thì doanh nghiệp sẽ phải chịu thêm một khoản chi phí và thu nhập của người lao động sẽ giảm đi một khoản đáng kể nhưng ngược lại quyền lợi hưởng chế độ BHXH của người lao động sẽ được cải thiện hơn rất nhiều, sẽ làm tăng lợi ích của người lao động khi ở tuổi về hưu.

Chính vì vậy nên em kiến nghị công ty nên áp dụng quy định trên để tăng quyền lợi hưởng bảo hiểm của người lao động cũng như góp phần mang lại giá

trị an sinh lâu bền cho xã hội vừa đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

#### 3.4.4 Kiến nghị 4: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí

Để hoàn thiện hơn hệ thống số kế toán tại công ty, kiến nghị công ty nên lập các sổ chi tiết để tiện theo cho các khoản doanh thu và chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại doanh thu, chi phí. Từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp cụ thể để quản lý và điều hành công ty một cách hiệu quả hơn.

Đề xuất 2 mẫu sổ: Sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.3) và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.4).

#### **Biểu 3.3. Sổ chi tiết bán hàng**

Đơn vị:		Mẫu số: S35-DN							
Địa chỉ:		(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)							
<b>SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG</b>									
Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Tháng...Năm....									
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						
- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...					Ngày ... tháng ... năm				
- Ngày mở sổ: ...									
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên)				

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 632 (như biểu số 3.4) tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng

**Biểu số 3.4 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị:			Mẫu số S36-DN							
Địa chỉ:			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)							
<b>SỔ CHI PHÍ KINH DOANH</b>										
(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 632...)										
Tài khoản:										
Tên sản phẩm dịch vụ:										
NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng	Chia ra				
						...	...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Ghi có TK							
			Số dư cuối kỳ							
Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...										
Ngày mở sổ: ...			Người ghi sổ (Ký, họ tên)				Ngày ... tháng ... năm... Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			

## KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức đã học ở trường Đại học Dân lập Hải Phòng, được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của **Thầy giáo, Th.s Nguyễn Đức Kiên** – Giảng viên hướng dẫn, cùng với các cán bộ kế toán, nhân viên công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi như:

- Kiến nghị về việc áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho
- Kiến nghị về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán
- Kiến nghị về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Kiến nghị về căn cứ tính các khoản theo lương

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong được sự góp ý và giúp đỡ của các thầy cô, cùng cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như gửi lời cảm ơn đến thầy Nguyễn Đức Kiên, và các cán bộ kế toán của công ty TNHH Đầu tư thương mại Bảo Lợi đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Tài chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) — Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) — Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, NXB Giao thông vận tải
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.